ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3992 /QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa Thủy điện Sông Giang 2, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 331/TTr-SCT ngày 05 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành hồ chứa Thủy điện Sông Giang 2, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa do Công ty Cổ phần Khai thác Thủy điện Sông Giang quản lý (*có Quy trình đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty Cổ phần Khai thác Thủy điện Sông Giang trực tiếp quản lý, vận hành hồ chứa Thủy điện Sông Giang 2 theo đúng Quy trình vận hành được phê duyệt; bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, trung thực, tin cậy của các thông số, số liệu, dữ liệu quan trắc và kết quả tính toán trong Quy trình vận hành được phê duyệt; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện Quy trình về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh. Công bố công khai Quy trình vận hành được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Công ty, tại trụ sở đơn vị quản lý vận hành, Ủy ban nhân dân xã Trung Khánh Vĩnh và Ủy ban nhân dân xã Tây Khánh Vĩnh theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP; duy trì dòng

chảy tối thiểu sau đập theo giấy phép về tài nguyên nước còn hiệu lực; định kỳ 05 năm hoặc khi Quy trình không còn phù hợp, có trách nhiệm rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Công Thương) xem xét, quyết định theo quy định. Rà soát, cập nhật Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp bảo đảm thống nhất về số liệu, ngưỡng cảnh báo và trách nhiệm với Quy trình được phê duyệt, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP; cập nhật Quy chế phối hợp vận hành hồ chứa thủy điện Sông Giang 1 và Sông Giang 2 cho phù hợp; thống nhất với Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã về vị trí, hình thức cảnh báo, bảo đảm người dân vùng hạ du được thông báo trước khi nước bắt đầu tràn qua tràn xả lũ.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình; kịp thời tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý các vướng mắc, phát sinh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Sở Công Thương chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về kết quả thẩm định, tính chính xác của các nội dung, thông số tham mưu trình phê duyệt; công bố Quy trình được phê duyệt trên Trang thông tin điện tử của Sở theo quy định; theo dõi, đôn đốc Công ty Cổ phần Khai thác Thủy điện Sông Giang thực hiện các nội dung tại khoản 1 Điều này.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Trung Khánh Vĩnh, Ủy ban nhân dân xã Tây Khánh Vĩnh và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương, Công ty Cổ phần Khai thác Thủy điện Sông Giang trong việc tổ chức thực hiện Quy trình được phê duyệt theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý và thẩm quyền được giao. Trong đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, giám sát việc duy trì dòng chảy tối thiểu và khai thác, sử dụng nước theo giấy phép; Ủy ban nhân dân xã Trung Khánh Vĩnh, Ủy ban nhân dân xã Tây Khánh Vĩnh tiếp nhận thông tin vận hành, kịp thời thông báo, cảnh báo đến người dân trên địa bàn và tổ chức ứng phó theo phương án được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực của Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Giang 2.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Trung Khánh Vĩnh, Tây Khánh Vĩnh; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần

Khai thác Thủy điện Sông Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (T.M.H);
- VPUB: CVP, LĐ (L.H.P), KT;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- TTCB và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.LB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG

QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Tên công trình: Thủy điện Sông Giang 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Khánh Hòa, năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG

QUY TRÌNH VẬN HÀNH
HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Tên công trình: Thủy điện Sông Giang 2

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY C.P KHAI THÁC THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG

Nguyễn Thanh Vinh

Khánh Hòa, tháng 9 năm 2026

CHƯƠNG I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy trình này quy định về vận hành, khai thác hồ chứa công trình thủy điện Sông Giang 2, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Quy trình) trong mùa lũ, mùa kiệt của Công ty CP Khai thác thủy điện Sông Giang.

2. Quy trình này áp dụng:

a) Công ty CP Khai thác thủy điện Sông Giang;

b) Các tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực sông Cái;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vận hành và các hoạt động khác có liên quan đến Quy trình vận hành hồ chứa công trình thủy điện Sông Giang 2, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2: Cơ sở pháp lý để xây dựng quy trình.

Các hoạt động liên quan điến việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy điện Sông Giang 2 phải tuân thủ:

1. Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/023;

2. Luật Phòng chống thiên tai số 33/2023/QH13 ngày 19/06/2013; Luật sửa đổi bổ sung mộ số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

3. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

4. Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23/11/2015;

5. Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

6. Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

7. Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023;

8. Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định

chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

9. Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tài nguyên nước;

10. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/04/2020 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 38/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

11. Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

12. Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;

13. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

14. Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

15. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

16. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

17. Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

18. Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

19. Nghị định số 146/2025/ND-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

20. Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy

định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

21. Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;

22. Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

23. Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/ NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/ NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/ NĐ-CP;

24. Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ

25. Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 10/11/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước;

26. Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

27. Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;

28. Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

29. Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

30. Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

31. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 44/GP-BTNMT ngày 22/3/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép cho Công ty cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang khai thác, sử dụng nước sông Giang phục vụ phát điện cho công trình thủy điện Sông Giang 2.

32. Các văn bản luật và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành có liên quan (Công trình thủy lợi – các quy định chủ yếu về thiết kế QCVN 04-

05:2022/BNNPTNT; TCVN 13615:2022 Các đặc trưng thủy văn thiết kế; Hồ chứa - Xác định các mực nước đặc trưng -TCVN 10778:2015; Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn -TCVN 9147:2012; Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước - Công trình thủy lợi- TCVN 8414:2010; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện - QCVN 27:2025/BCT).

Điều 3: Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình.

1. Tên công trình: Công trình thủy điện Sông Giang 2.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Cấp công trình: Công trình có cấp thiết kế III theo QCVN 27:2025/BCT.

4. Thông số kỹ thuật chính:

Mực nước lũ kiểm tra (MNLKT- P=0.2%):	+467,07 m
Mực nước lũ thiết kế (MNLTK- P=1.0%):	+466,26 m
Mực nước dâng bình thường (MNDBT):	+462,00 m
Mực nước chết (MNC):	+460,00 m
Dung tích toàn bộ (Vtb):	1,30 Tr.m^3
Dung tích hữu ích (Vhi):	0,39 Tr.m^3
Công suất lắp máy (Nlm):	37,0 MW
Điện lượng trung bình nhiều năm (Eo):	141,70 Tr. kWh

Các thông số khác được trình bày tại Phụ lục 1 kèm theo.

Điều 4: Nhiệm vụ vận hành công trình theo thứ tự ưu tiên và nguyên tắc vận hành công trình.

Quy trình này áp dụng cho công tác vận hành hồ chứa thủy điện Sông Giang 2 nhằm đảm bảo các yêu cầu nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Vận hành trong mùa lũ

a) Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện Sông Giang 2, không để mực nước hồ Sông Giang 2 vượt mực nước lũ kiểm tra ở cao trình +467,07m, với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm.

b) Góp phần điều tiết nước, phòng chống lũ và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người dân tại vùng hạ du của đập thủy điện Sông Giang 2.

c) Đảm bảo hiệu quả phát điện.

2. Vận hành trong mùa kiệt

a) Đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông.

b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước.

c) Đảm bảo hiệu quả phát điện.

Điều 5: Phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt.

1. Quy định về phân loại lũ:

a) Lũ cấp 1 (lũ nhỏ): Lưu lượng đỉnh lũ: 50 $m^3/s \leq Qlũ \leq 250$ m^3/s .

b) Lũ cấp 2 (lũ vừa): Lưu lượng đỉnh lũ: 250 $m^3/s < Qlũ \leq 500$ m^3/s.

c) Lũ lớn và đặc biệt lớn: Lưu lượng đỉnh lũ: $Qlũ > 500$ m^3/s.

d) Lũ lịch sử: Lưu lượng đỉnh lũ: $Qlũ > 1.250$ m^3/s.

2. Quy định về thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt:

a) Mùa lũ từ ngày 01/09 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.

b) Mùa kiệt bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào 31/8 hằng năm.

Điều 6: Vận hành tràn xả lũ.

Tràn xả lũ hồ thủy điện Sông Giang 2 là tràn tự do Btr=60,0m, khi lũ về hồ mực nước hồ đạt MNDBT (+462,00m) thì tràn tự động làm việc, lưu lượng lớn nhất xả qua tràn là 1495 m^3/s ứng với lũ kiểm tra.

Điều 7: Vận hành các thiết bị thủy công và thiết bị thủy lực.

1. Việc vận hành các thiết bị thủy công, thủy lực công trình thủy điện Sông Giang 2 phải tuân thủ quy trình này và quy trình bảo trì công trình, bộ phận công trình, thiết bị được lập, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, tài liệu cơ quan tư vấn thiết kế, nhà chế tạo và cung cấp thiết bị.

2. Các quy trình vận hành và quy trình bảo trì nêu ở khoản 1 Điều này, phải được ban hành và hiệu chỉnh khi thấy những yếu tố bất hợp lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng công trình, gây ảnh hưởng đến việc khai thác và sử dụng công trình.

Điều 8: Quan trắc, cung cấp thông tin quan trắc khí tượng thủy văn; Chất lượng nước trong quá trình khai thác.

Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang có trách nhiệm thực hiện việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn theo quy định tại Nghị định 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 38/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Điều 89 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định tại Điều 15 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và Điều 40 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

1. Yếu tố quan trắc.

a) Quan trắc lượng mưa trên lưu vực.

b) Quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập.

c) Tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả.

d) Dự báo lưu lượng đến hồ, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa.

2. Chế độ quan trắc.

a) Mùa kiệt: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ;

b) Mùa lũ: 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ; trường hợp vận hành xả lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ kiểm tra.

Bảng 2: Thông số, các yếu tố và thời gian quan trắc trong mùa lũ

Tên thông số, đối tượng quan trắc, tính toán theo mực nước hồ (MNH)	Thời hạn quan trắc (số giờ/ lần)						
	Lưu lượng vào hồ	Lưu lượng xả qua tràn, nhà máy	Cao trình mực nước hồ	Cao trình mực nước hạ lưu đập tràn	Dự báo nước đến hồ	Lượng mưa trên lưu vực	Tình trạng công trình
MNH <462,00 m	6	6	6	6	24	6	12
462,00m<MNH<466,26m	1	1	1	1	6	1	6
MNH ≥ 466,26m	0,25	0,25	0,25	0,25	1	0,25	4

Trường hợp khi có dự báo lũ lớn, có yêu cầu quan trắc với tần suất khác quy định ở Bảng 2 của cơ quan cấp trên, Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang chủ động quan trắc với tần suất 4 lần/1 giờ ngay từ mực nước dâng bình thường (+462,00m).

3. Chế độ dự báo.

a) Mùa kiệt: Tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ Sông Giang 2 cho 10 ngày tới vào các ngày 01, 11, 21 hằng tháng.

b) Mùa lũ: Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, hằng ngày, Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

i. Thu thập bản tin dự báo của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Quốc Gia về dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm gây mưa, lũ lớn; dự báo, cảnh báo lũ, lũ khẩn cấp tại Trạm thủy văn Đồng Trăng;

ii. Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; Quan trắc, phân tích số liệu mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn;

iii. Khi xuất hiện lũ, Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang phải phân tích số liệu quan trắc mực nước hồ theo giờ, để xác định sơ bộ lưu lượng nước đến hồ.

4. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu.

a) Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang có trách nhiệm thực hiện: Cập nhật các thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn lên các Website: http://thuydienvietnam.vn hoặc http://hothuydien.atmt.gov.vn; Trang thông tin điện tử của đơn vị mình; Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho Sở Công Thương Khánh Hòa, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân

sự tỉnh Khánh Hòa (Ban Chỉ huy PTDS), UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Trung Khánh Vĩnh, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Tây Khánh Vĩnh.

b) Việc cung cấp thông tin, báo cáo thực hiện theo một trong các hình thức sau: gửi trực tiếp bằng Fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM); Văn bản gốc sau đó phải được gửi để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý. Khi thiết bị hoặc đường truyền gặp sự cố, Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang có trách nhiệm sử dụng ngay các kênh thông tin, đường truyền khác để thay thế, phối hợp với đơn vị kỹ thuật hoặc nhà cung cấp dịch vụ viễn thông để kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế thiết bị, khôi phục lại đường truyền kết nối dữ liệu thời gian thực trong thời gian sớm nhất.

5. Trách nhiệm báo cáo.

Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành xả lũ và tình trạng làm việc của công trình, việc báo cáo thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, phải báo cáo kết quả vận hành xả tràn, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ và các thông tin có liên quan đến Bộ Công thương, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Khánh Hòa, Cục Quản lý tài nguyên nước, Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Trung Khánh Vĩnh, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Tây Khánh Vĩnh để theo dõi, chỉ đạo.

b) Trước 30 tháng 01 của năm tiếp theo, phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ, các đề xuất, kiến nghị, và các thông tin liên quan đến Bộ Công thương, UBND tỉnh Khánh Hòa, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Khánh Hòa, Cục Quản lý tài nguyên nước, Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa.

6. Kiểm tra, kiểm định thiết bị, dụng cụ đo đạc Khí tượng thủy văn.

Các dụng cụ, thiết bị chuyên dùng trong công tác đo đạc Khí tượng thủy văn phải được kiểm tra, kiểm định và hiệu chuẩn bởi cơ quan chuyên môn theo quy định hiện hành (Điều 19 Luật Khí tượng thủy văn).

7. Quan trắc chất lượng nước trong quá trình khai thác.

Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang có trách nhiệm quan trắc môi trường nước hồ (khi có yêu cầu) và báo cáo về cơ quan quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 9: Phối hợp vận hành giữa chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện Sông Giang 2 với các chủ sở hữu đập, hồ chứa công trình thủy lợi, thủy điện trên cùng lưu vực sông Cái Nha Trang.

1. Tuân thủ quy trình vận hành liên hồ chứa do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian quy trình vận hành liên hồ chứa chưa được ban hành, Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang phối hợp với các đơn vị quản lý vận hành trên cùng lưu vực sông Cái Nha Trang xây dựng Quy chế phối hợp vận hành, thống nhất với BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị có liên quan (UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Trung Khánh Vĩnh, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Tây Khánh Vĩnh)

2. Trong quá trình vận hành hồ chứa công trình thủy điện Sông Giang 2, Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang phải thường xuyên thông tin, cung cấp, trao đổi và cập nhật thông tin với các công trình thủy điện, thủy lợi có liên quan trên lưu vực sông Giang để có chế độ vận hành tối ưu và an toàn.

Điều 10: Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành phát điện (Lắp đặt còi hú hoặc loa phóng thanh công suất lớn tại đập, nhà máy).

1. Khi nước tràn (MNH) bắt đầu ở Zhồ>462,50m (lũ nhỏ), kéo 1 hồi còi dài 10 giây;

2. Khi mực nước tràn (MNH) bắt đầu ở Zhồ≥ +463,50m (Lũ vừa), kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây;

3. Khi mực nước tràn (MNH) bắt đầu ở Zhồ≥ +464,50m (Lũ lớn), kéo 3 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây;

4. Trước khi xả nước qua tổ máy đầu tiên 15 phút để phát điện (trừ trường hợp đang vận hành xả tràn): Kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 10 giây và cách nhau 10 giây.

5. Khi đập tràn kết thúc xả nước xuống hạ lưu thì kéo 1 hồi còi dài 30 giây.

6. Ngoài các hiệu lệnh thông báo theo quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này, Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang, phải thông báo qua hệ thống cảnh báo được lắp đặt phía hạ du công trình theo quy định tại khoản 3, **Điều 20** của Quy trình này.

Điều 11: Vận hành công trình đảm bảo xả dòng chảy tối thiểu.

1. Việc vận hành công trình phải đảm bảo xả dòng chảy tối thiểu theo quy định của Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt của công trình được cấp có thẩm quyền cấp phép, đảm bảo duy trì lưu lượng xả thường xuyên sau công trình thủy điện Sông Giang 2 không nhỏ hơn 0,52 m^3/s (Giấy phép số 44/GP-BTNMT ngày 22 tháng 3 năm 2021, của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường). Trong các trường hợp như: Lưu lượng nước tự nhiên về hồ nhỏ hơn 0,52 m^3/s, mực nước hồ xuống dưới mực nước chết thì luôn ưu tiên xả dòng chảy tối thiểu, sau đó mới sử dụng nước cho phát điện.

2. Nguyên tắc vận hành: Vận hành duy trì dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du công trình thủy điện Sông Giang 2 thông qua cống xả dòng chảy tối thiểu.

CHƯƠNG II.
VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 12: Điều tiết hồ trong thời kỳ mùa lũ.

1. Quy định về mực nước vận hành hồ trong mùa lũ:

Cao trình mực nước hồ cao nhất trước lũ của hồ thủy điện Sông Giang 2 trong mùa lũ là ở MNDBT (+462,0m).

2. Ưu tiên đảm bảo an toàn cho công trình thủy điện Sông Giang 2 và vùng hạ du, sử dụng tối ưu nguồn nước để phát công suất tối đa của nhà máy thủy điện, phần lưu lượng lũ còn lại tự xả qua tràn tự do khi mực nước hồ >+462,0m.

3. Khi mực nước hồ vượt MNLTK ≥+466,26m và đang tăng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang triển khai ngay các biện

pháp đảm bảo an toàn công trình (Phương án ứng phó khẩn cấp), đồng thời báo cáo về UBND tỉnh Khánh Hòa, BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị có liên quan (UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Trung Khánh Vĩnh, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Tây Khánh Vĩnh) triển khai phương án ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn cho người và tài sản nhân dân ở vùng hạ du.

4. Hiệu lệnh thông báo xả nước thực hiện theo quy định tại **Điều 10** của Quy trình này.

5. Vận hành hồ chứa tham gia cắt/giảm lũ cho hạ du, phát điện:

Công trình không được giao nhiệm vụ cắt, giảm lũ chuyên biệt cho hạ du, do hồ có dung tích hữu ích nhỏ ($0,39.10^6 m^3$) nên chỉ khả năng điều tiết dòng chảy trong phạm vi dung tích hồ. Nhiệm vụ chính của công trình là phát điện.

6. Tích nước cuối mùa lũ:

Hồ có dung tích nhỏ, cơ bản ở mức điều tiết ngày, nên không quy định thời gian tích nước cuối mùa lũ.

Điều 13: Vận hành hồ chứa đảm bảo an toàn công trình.

1. Nguyên tắc cơ bản: Ưu tiên đảm bảo an toàn cho công trình thủy điện Sông Giang 2 và vùng hạ du; sử dụng tối ưu nguồn nước để phát công suất tối đa của nhà máy thủy điện, phần còn lại xả qua đập tràn tự do khi mực nước hồ vượt quá mực nước dâng bình thường (+462,0m).

2. Trường hợp đập hoặc thiết bị của công trình hư hỏng hoặc gặp sự cố ảnh hưởng đến việc vận hành, hoặc trường hợp khẩn cấp MNH>+467,07m mà lưu lượng về hồ vẫn tiếp tục tăng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang cần triển khai ngay các biện pháp đảm bảo an toàn công trình, báo cáo UBND tỉnh Khánh Hòa quyết định phương án, đồng thời báo cáo BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị có liên quan, triển khai phương án ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn cho người và tài sản nhân dân ở vùng hạ du.

3. Trách nhiệm phát hiện, xử lý sự cố hoặc những tình huống bất thường thực hiện theo quy định tại **Điều 19**, **Điều 20** của Quy trình này.

CHƯƠNG III.
VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA KIỆT

Điều 14: Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa kiệt.

1. Vận hành hồ Sông Giang 2 theo các thời kỳ và theo thời đoạn 10 ngày.

2. Việc vận hành hồ Sông Giang 2 trong mùa kiệt thực hiện qua các turbine khi phát điện hoặc qua tràn tự do (lũ tiểu mãn).

Điều 15: Vận hành điều tiết lũ, phát điện, xả nước trong mùa kiệt.

Ngoài thời gian mùa lũ quy định ở khoản 2, **Điều 5** của quy trình này, khi xảy ra tình huống bất thường có mưa lũ lớn, hoặc xuất hiện sự cố; hoặc có nguy cơ sự cố của các hạng mục ảnh hưởng an toàn công trình, Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang báo cáo ngay UBND tỉnh để quyết định chế độ vận hành trong mùa lũ quy định tại Quy trình này, đồng thời báo cáo Trưởng BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa, Sở Công Thương, thông báo đến UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Trung Khánh Vĩnh, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Tây Khánh Vĩnh.

Điều 16: Vận hành phát điện, đảm bảo mực nước.

1. Nguyên tắc chung: Phải tuân thủ phương thức và lệnh điều độ của cấp điều độ hệ thống điện có quyền điều khiển (Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc Gia).

2. Khi mực nước hồ đang ở cao trình MNDBT +462,0m mà lưu lượng đến hồ lớn hơn Qpđ max (11,45m^3/s), ưu tiên phát điện với công suất tối đa, lưu lượng còn lại sau khi phát điện xả qua đập tràn, để duy trì mực nước hồ.

3. Khi mực nước hồ nằm khoảng giữa MNC và MNDBT:

a) Trường hợp lưu lượng về hồ lớn hơn Qpđ max (11,45m^3/s) theo nhu cầu của hệ thống điện và lưu lượng thực tế, phát điện tối đa, giảm xả thừa.

b) Trường hợp lưu lượng về hồ lớn hơn Qpđ min (1,50m^3/s) theo nhu cầu của hệ thống điện và lưu lượng thực tế, phát điện lớn hơn hoặc bằng công suất min.

c) Trường hợp lưu lượng về hồ nhỏ hơn hoặc bằng Qpđ min (1,50m^3/s) theo nhu cầu của hệ thống điện và lưu lượng thực tế, phát điện bằng công suất min.

d) Khi mực nước hồ ở MNC (+460,0m), lưu lượng về hồ nhỏ hơn Qpđ min (1,50m^3/s) ngừng phát điện.

CHƯƠNG IV.
CÁC TRƯỜNG HỢP VẬN HÀNH KHÁC

Điều 17: Vận hành khi khu vực hạ du có yêu cầu bất thường về nước.

Khi hạ du công trình thủy điện Sông Giang 2 có nhu cầu dùng nước bất thường, Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang thực hiện điều tiết nước theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trên cơ sở phương án do Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa kiến nghị. Trước khi thực hiện xả nước theo chỉ đạo, Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang thông báo cho Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc Gia (NSMO) để phối hợp, bố trí kế hoạch chạy máy thủy điện Sông Giang 2 đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nước và báo cáo Bộ Công Thương theo dõi, chỉ đạo.

Điều 18: Vận hành hồ chứa khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, lưu lượng về hồ thấp kéo dài, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường.

1. Trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, lưu lượng về hồ thấp kéo dài trên lưu vực sông Cái Nha Trang, Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang phải tuân thủ theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 7 Điều 35 và Điều 36 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 (Ưu tiên về số lượng, chất lượng nước cấp cho sinh hoạt; góp phần bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân).

2. Trong trường hợp xảy ra ô nhiễm nguồn nước, hoặc khi xảy ra các trường hợp khẩn cấp khác trên lưu vực sông Cái Nha Trang, Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang phải tuân thủ lệnh điều hành vận hành hồ chứa theo quy định tại Điều 32 và Điều 34, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023.

Điều 19: Vận hành hồ chứa thủy điện cấp nước cho thủy lợi.

Hồ thủy điện Sông Giang 2 có nhiệm vụ chính là phát điện, dung tích điều tiết nhỏ chỉ ở mức điều tiết ngày đêm (Vhi=0,39 Tr.m^3), không có nhiệm vụ cấp nước cho thủy lợi ở hạ du.

CHƯƠNG V.
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 20: Nguyên tắc chung về trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình.

1. Lệnh vận hành công trình thủy điện Sông Giang 2 nếu trái với các quy định trong quy trình này, dẫn đến hệ thống các công trình và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện ở hạ du bị mất an toàn thì Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang có trách nhiệm xử lý sự cố, đồng thời báo cáo sự cố, đề xuất phương án xử lý sự cố với UBND tỉnh Khánh Hòa để chỉ đạo xử lý sự cố, đồng thời báo cáo ngay tới BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa, Sở Công Thương và thông báo cho UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Trung Khánh Vĩnh, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Tây Khánh Vĩnh để kịp thời phối hợp chỉ đạo công tác phòng chống lũ hạ du công trình và thông báo trên hệ thống cảnh báo được lắp đặt ở hạ du công trình để người dân biết, chủ động triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời.

4. Tháng 8 hằng năm là thời kỳ tổng kiểm tra trước mùa lũ. Tổng Giám đốc Công ty cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình, và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định, đồng thời báo cáo kết quả về Bộ Công Thương, UBND tỉnh Khánh Hòa, BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa, Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa để theo dõi chỉ đạo.

5. Trường hợp có sự cố công trình không thể sửa chữa xong trước ngày 31 tháng 8, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang phải

có biện pháp xử lý phù hợp kịp thời và báo cáo ngay tới UBND tỉnh Khánh Hòa, BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa, Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa để theo dõi, chỉ đạo và thông báo cho các Chủ hồ liên quan ở hạ du công trình, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Trung Khánh Vĩnh, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Tây Khánh Vĩnh, các xã chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc xả lũ hồ thủy điện Sông Giang 2 để kịp thời phối hợp, có ứng phó cần thiết.

Điều 21: Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang.

1. Ban hành và thực hiện lệnh vận hành công trình theo quy định trong quy trình này.

2. Trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành thủy điện Sông Giang 2 như sau:

a) Thực hiện lệnh vận hành của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại khoản 2, **Điều 13** và **Điều 15** quy trình này.

b) Trường hợp xảy ra tình huống bất thường, không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành.

c) Trường hợp mất thông tin liên lạc hoặc không nhận được lệnh vận hành của người có thẩm quyền ra lệnh và các tình huống bất thường khác, được phép quyết định vận hành hồ theo đúng quy định ở Quy trình này, đồng thời phải thực hiện ngay các biện pháp ứng phó phù hợp.

d) Thực hiện việc vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại **Điều 13** của Quy trình này. Khi vận hành đảm bảo an toàn công trình, phải báo cáo ngay Bộ Công thương, UBND tỉnh Khánh Hòa, BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa, Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa, Đài KTTV tỉnh Khánh Hòa, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Trung Khánh Vĩnh, UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Tây Khánh Vĩnh, các chủ đập trên hệ thống bậc thang sông Cái Nha Trang, và thông báo trên hệ thống cảnh báo ở khu vực hạ du hồ chứa để người dân biết, kịp thời phối hợp, ứng phó cần thiết.

3. Trường hợp xảy ra sự cố mà không thể vận hành hồ theo quy định của Quy trình này hoặc trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước mà hồ Sông Giang 2 không thể đảm bảo việc vận hành theo quy định của Quy trình này, phải đề xuất phương án báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Khánh Hòa để thống nhất phương án điều tiết nước cho hạ du.

4. Sau mùa lũ hằng năm, lập báo cáo tổng kết gửi Bộ Công thương, UBND tỉnh Khánh Hòa, BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa, Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa về việc thực hiện quy trình vận hành công trình thủy điện Sông Giang 2, đánh giá kết quả khai thác, tính hợp lý, những tồn tại và nêu những kiến nghị cần thiết.

5. Thành lập BCH PTDS công trình thủy điện Sông Giang 2. Cơ cấu thành phần của BCH PTDS công trình thủy điện Sông Giang 2 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang quyết định.

6. Xây dựng, lắp đặt hệ thống giám sát về việc vận hành khai thác nước của hồ thủy điện Sông Giang 2 theo quy định tại Điểm 37 Điều 1 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.

7. Hoạt động vận hành hồ chứa công trình thủy điện Sông Giang 2 phải ghi chép đầy đủ vào nhật ký vận hành.

8. Định kỳ 5 năm phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa báo cáo UBND tỉnh và Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa.

9. Định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình vận hành hồ chứa không còn phù hợp có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình các cơ quan liên quan thẩm định và phê duyệt.

10. Công bố Quy trình vận hành hồ chứa được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty.

11. Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực, hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình; Trước, sau mùa lũ hằng năm.

12. Hằng năm phải lập hoặc cập nhật, bổ sung và phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; Báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện; Rà soát, hiệu chỉnh Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo quy định hiện hành và gửi Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa, để theo dõi, quản lý theo quy định.

13. Tổ chức kiểm định an toàn đập, báo cáo về Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại Điều 41 Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

14. Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, quản lý và vận hành hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ; Truyền tín hiệu hình ảnh về UBND tỉnh, BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa, Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa, Cục Điện lực (Thống nhất với BCH PTDS tỉnh về: (i) Vị trí lắp đặt; (ii) Trang thiết bị cảnh báo lắp đặt tại từng vị trí; (iii) Trường hợp, thời điểm, hình thức cảnh báo).

15. Chịu trách nhiệm về công tác PCTT&TKCN cho công trình và hạ du hồ chứa, cụ thể:

a) Tổ chức quan trắc, thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu thông tin, báo cáo cho các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định tại **Điều 8** của Quy trình này;

b) Tổ chức kiểm tra thường xuyên tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở vùng hồ và có các biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để đảm bảo tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị;

c) Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết (ứng phó khẩn cấp).

d) Phối hợp với các chủ đập thủy lợi, thủy điện trên hệ thống bậc thang sông Cái Nha Trang, tính toán xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du công trình, trên cơ sở tính toán nhiều kịch bản xả lũ phù hợp với quy định hiện hành.

16. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự, cụ thể đề cập đến các vấn đề sau:

a) Tình trạng làm việc của các công trình thủy công và hồ chứa;

b) Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành;

c) Các thiết bị, bộ phận công trình liên quan tới đảm bảo vận hành an toàn các tổ máy phát điện;

d) Các nguồn cung cấp điện (kể cả nguồn điện dự phòng);

đ) Phương án và các phương tiện thông tin liên lạc;

e) Các nguồn vật liệu dự phòng, phương án huy động nhân lực, các thiết bị và phương tiện vận chuyển, các thiết bị và phương tiện cần thiết cho xử lý sự cố;

g) Các dụng cụ cứu sinh, dụng cụ bơi;

h) Phối hợp với các cơ quan ở địa phương của tỉnh Khánh Hòa để thông báo và tuyên truyền đến nhân dân vùng hạ du những thông tin và điều lệnh về công tác vận hành của hồ thuỷ điện Sông Giang 2, đặc biệt là với nhân dân sinh sống gần hạ lưu công trình;

i) Công tác quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn, các tài liệu và phương tiện cần thiết cho tính toán vận hành hồ chứa thủy điện Sông Giang 2;

j) Diễn tập, kiểm tra quy trình, kỹ thuật xả lũ, thông báo, cảnh báo thử cho các chức danh liên quan;

k) Tổ chức tuyên truyền thông tin đến cán bộ, nhân dân địa phương phía hạ du chịu ảnh hưởng trực tiếp của quá trình vận hành công trình thủy điện Sông Giang 2 về Quy trình này.

17. Sau mỗi trận lũ và sau mùa lũ, phải tiến hành ngay các công tác sau:

a) Kiểm tra tình trạng ổn định, an toàn của công trình, thiết bị bao gồm cả ảnh hưởng xói lở ở hạ du đập tràn hồ thủy điện Sông Giang 2;

b) Sửa chữa những hư hỏng nguy hiểm đe dọa đến sự ổn định, an toàn công trình và thiết bị (nếu có);

c) Lập báo cáo diễn biến lũ;

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương kiểm tra, đánh giá thiệt hại vùng hạ du đập và có biện pháp khắc phục.

e) Báo cáo Bộ Công Thương, BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa, Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa kết quả thực hiện những công tác trên theo quy định tại Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

18. Thực hiện quan trắc và cập nhật số liệu vận hành hồ chứa lên các Website: http://thuydienvietnam.vn và http://hothuydien.atmt.gov.vn theo quy định.

Điều 22: Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Khánh Hòa.

1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ,

lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du khi hồ xả nước.

2. Khi nhận được báo cáo việc vận hành hồ Sông Giang 2, phải đồng thời triển khai ngay những công tác sau:

a) Chỉ đạo việc thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du công trình Sông Giang 2;

b) Thông báo cho các địa phương, tổ chức, đơn vị liên quan triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do việc xả lũ của hồ Sông Giang 2 gây ra;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh Khánh Hòa;

3. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh Khánh Hòa trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này, đồng thời báo cáo Bộ Công thương và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Quốc gia.

Điều 23: Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa.

1. Kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang thực hiện các quy định trong Quy trình này.

2. Kịp thời báo cáo Bộ Công thương, UBND tỉnh Khánh Hòa trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

3. Tổng hợp kết quả thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Giang 2 gửi UBND tỉnh Khánh Hòa, Bộ Công thương.

4. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình theo thẩm quyền.

5. Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Sở Công thương.

6. Trình UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy trình theo thẩm quyền quy định.

Điều 24: Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương tuyên truyền công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa

phương, để các cơ quan, nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động kế hoạch sản suất phù hợp với chế độ vận hành của hồ Sông Giang 2 theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiểu quả nguồn nước.

2. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.

3. Chỉ đạo xây dựng phương án chủ động phòng chống lũ, lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt, hạn hán xảy ra trên địa bàn chịu ảnh hưởng của việc vận hành hồ Sông Giang 2.

4. Chỉ đạo các cơ quan đơn vị quản lý vận hành hồ chứa liên quan trong địa bàn phối hợp với Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.

5. Quyết định việc vận hành hồ Sông Giang 2 trong các tình huống bất thường được quy định tại khoản 2, **Điều 13** và **Điều 15** của quy trình này, đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại.

6. Chỉ đạo Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang thực hiện đảm bảo an toàn hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của mình; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu, thông tin, báo cáo các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định tại **Điều 8** và thực hiện vận hành hồ theo đúng quy định của Quy trình này.

7. Xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

8. Trường hợp do hạn hán thiếu nước nghiêm trọng, hoặc có yêu cầu bất thường về sử dụng nước, lập kế hoạch, phương án gửi Bộ Nông nghiệp và Môi Trường, Bộ Công Thương để thống nhất chỉ đạo hồ Sông Giang 2 điều tiết xả nước cho hạ du.

Điều 25. Trách nhiệm của UBND, Ban Chỉ huy PTDS và Công an xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh.

1. Thực hiện phương án đảm bảo an toàn cho vùng hạ du khi hồ chứa xả lũ hoặc trường hợp công trình xảy ra sự cố trong phạm vi địa giới hành chính do xã quản lý.

2. Huy động nhân lực, vật tư, trang thiết bị để phối hợp với Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang nhằm thực hiện các giải pháp ứng phó

thiên tai, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

3. Thông báo kịp thời cho Nhân dân ở vùng hạ du hồ Sông Giang 2 về việc xả lũ của hồ Sông Giang 2 để người dân biết, chủ động đề phòng trong quá trình sản suất; Khuyến cáo người dân không đi lại, không tiếp tục sản suất trong vùng có tác động lũ của hồ chứa nước để đảm bảo an toàn trong phạm vi địa giới hành chính do xã quản lý.

4. Chỉ đạo việc thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư vùng hạ du hồ Sông Giang 2 trong phạm vi địa giới hành chính do xã quản lý.

5. Tuyên truyền, vận động Nhân dân trong khu vực thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này; Tham gia bảo vệ an toàn công trình hồ thủy điện Sông Giang 2.

Điều 26: Phương thức thông tin, báo cáo vận hành công trình hồ Sông Giang 2.

1. Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị trao đổi có liên quan đến việc vận hành và chống lũ hồ thủy điện Sông Giang 2 phải được thực hiện bằng văn bản, đồng thời Fax, thông tin trực tiếp qua điện thoại, chuyển văn bản bằng mạng vi tính, sau đó bản gốc được gửi để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

2. Trường hợp mất liên lạc hoặc không nhận được lệnh, Trưởng ca vận hành, Tổng Giám đốc Công ty phải tuyệt đối tuân thủ theo quy trình vận hành hồ chứa và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án ứng phó thiên tai và các quy định khác liên quan được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 27: Chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Sông Giang 2.

1. Trong trường hợp chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Sông Giang 2 từ Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang sang một đơn vị khác, các quy định về trách nhiệm của Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang trong Quy trình này sẽ được quy định cho đơn vị được chuyển giao.

2. Tất cả các văn bản, hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Sông Giang 2 đều

phải giao nộp 01 bộ cho Bộ Công Thương, 01 bộ cho UBND tỉnh Khánh Hòa để thống nhất theo dõi, chỉ đạo.

Điều 28: Sửa đổi, bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Giang 2.

Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Giang 2, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang, thủ trưởng các đơn vị có liên quan phải kiến nghị kịp thời bằng văn bản gửi UBND tỉnh Khánh Hòa để xem xét, quyết định.

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY C.P KHAI THÁC THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG

Nguyễn Thanh Vinh

CÁC PHỤ LỤC

1. Thông số kỹ thuật chính của công trình.

Bảng 1: Bảng quy mô công trình thủy điện Sông Giang 2

T.T	Tên thông số	Đơn vị	Giá trị
I	**Đặc trưng lưu vực**		
1	Diện tích lưu vực F_{lv}	km^2	121,0
2	Lượng mưa trung bình nhiều năm	mm	2000
3	Lưu lượng trung bình nhiều năm Q_0	m^3/s	5,70
II	**Hồ chứa**		
1	Mực nước dâng bình thường	m	462,00
2	Mực nước lũ thiết kế	m	466,26
3	Mực nước lũ kiểm tra	m	467,07
4	Mực nước chết	m	460,00
5	Dung tích ứng với MNDBT	10^6m^3	1,30
6	Dung tích chết	10^6m^3	0,91
7	Dung tích hữu ích	10^6m^3	0,39
III	**Lưu lượng**		
1	Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy Q_{Tmax}	m^3/s	11,45
2	Lưu lượng đảm bảo Q_{db}	m^3/s	2,79
3	Lượng đỉnh lũ ứng với tần suất		
	P=0.2%	m^3/s	1502
	P=1%	m^3/s	1043
IV	**Nhà máy thuỷ điện**		
1	***Công suất***		
	Công suất lắp máy N_{lm}	MW	37,0
	Công suất đảm bảo N_{db}	MW	9,53
	Số tổ máy Z	tổ	2
2	***Cột nước nhà máy***		
	Cột nước lớn nhất H_{max}	m	407,61
	Cột nước nhỏ nhất H_{min}	m	381,79
	Cột nước trung bình H_{tb}	m	401,92

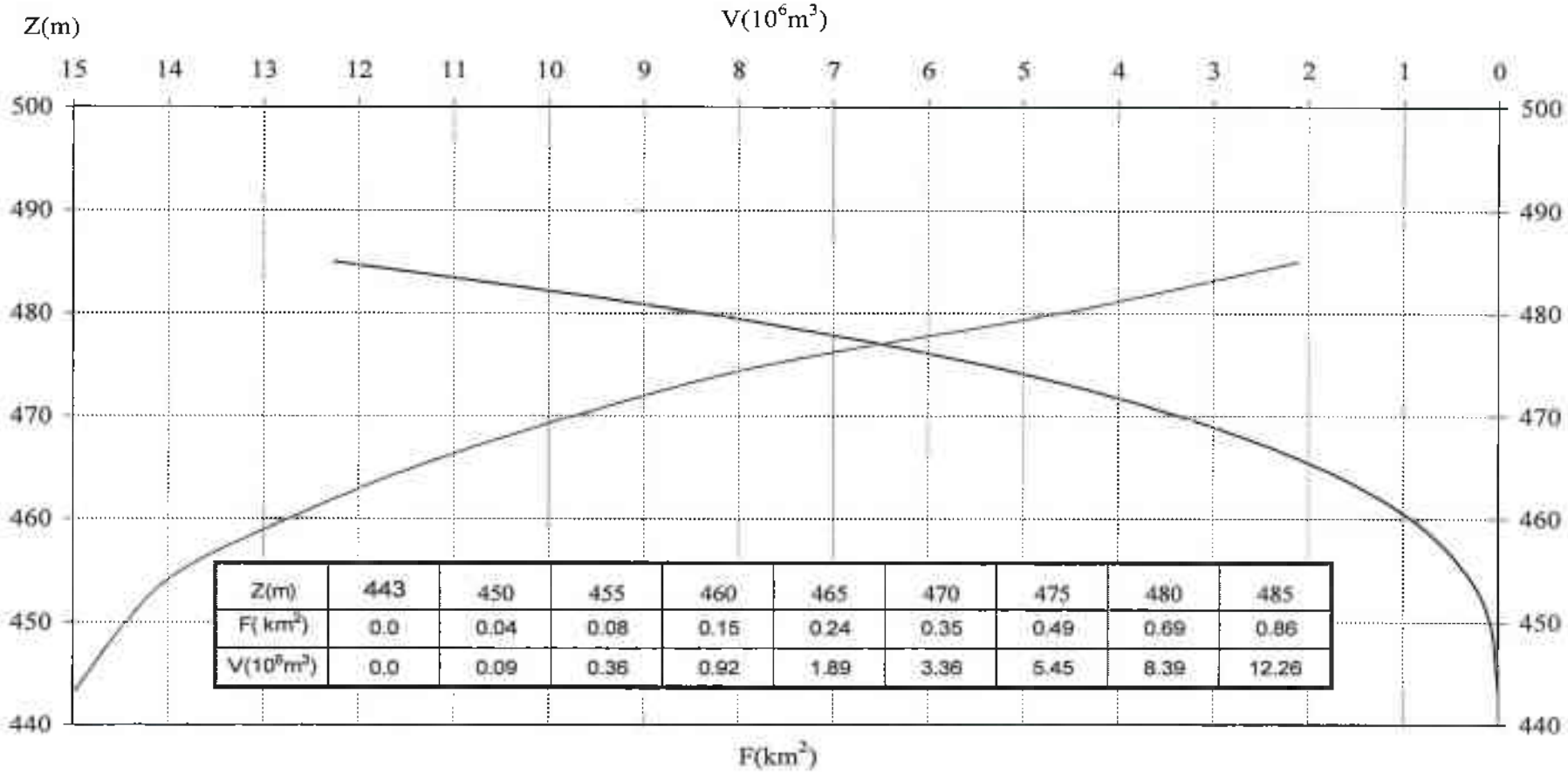
T.T	Tên thông số	Đơn vị	Giá trị
	Điện lượng TBNN - Eo	Tr.kwh	141,7
V	**Quy mô các hạng mục công trình**		
	Công trình đầu mối		
a	***Đập chính***		
	Kết cấu đập		Bê tông trọng lực
	Cao trình đỉnh đập	m	467,50
	Chiều dài đập theo đỉnh, L	m	166,3
	Chiều rộng đỉnh đập, B	m	4,0
	Chiều cao lớn nhất của đập dâng, H_d	m	17,5
b	***Đập phụ***		
	Kết cấu đập		Đập đất
	Cao trình đỉnh đập	m	467,50
	Chiều dài đập theo đỉnh, L	m	26,62
	Chiều rộng đỉnh đập, B	m	7,0
	Chiều cao lớn nhất của đập dâng, H_d	m	7,0
c	***Đập tràn xả lũ***		
	Kiểu đập tràn		Tràn tự do
	Chiều rộng tràn	m	60,0
	Cao trình ngưỡng tràn	m	462,00
	Lưu lượng xả ứng với lũ thiết kế (1,0%)	m^3/s	1044
	Lưu lượng xả ứng với lũ kiểm tra (0,2%)	m^3/s	1495
VI	**Tuyến năng lượng**		
1	***Cửa lấy nước***		
	Cao trình ngưỡng	m	454,0
	Số khoang lấy nước	khoang	1
	Kích thước cửa lấy nước BxH	m	4x4
	Lưu lượng thiết kế, Q_{tk}	m^3/s	11,45
2	***Đường hầm***		
	Chiều dài hầm	m	3907,3
	Đường kính hầm	m	2,5

T.T	Tên thông số	Đơn vị	Giá trị
3	***Tháp điều áp***		
	Hình thức		Ngầm, nổi
	Cao độ đỉnh tháp	m	475,0
	Cao độ đáy tháp	m	431,3
4	***Đường ống áp lực***		
	Loại đường ống		có áp
	Đường kính đường ống	m	1,8
	Chiều dài đường ống	m	1305,25
3	**Nhà máy thuỷ điện**		
	Số tổ máy	tổ	2
	Kiểu, loại Tuabin		Pelton trục đứng
	Cao trình sàn lắp máy	m	61,4
	Kích thước nhà máy (LxBxH)	m	38,5x22,4x30

2. Số liệu và biểu đồ đặc trưng quan hệ hồ chứa (Quan hệ W-F-Z).

Bảng 2: Đặc trưng hồ chứa thủy điện Sông Giang 2

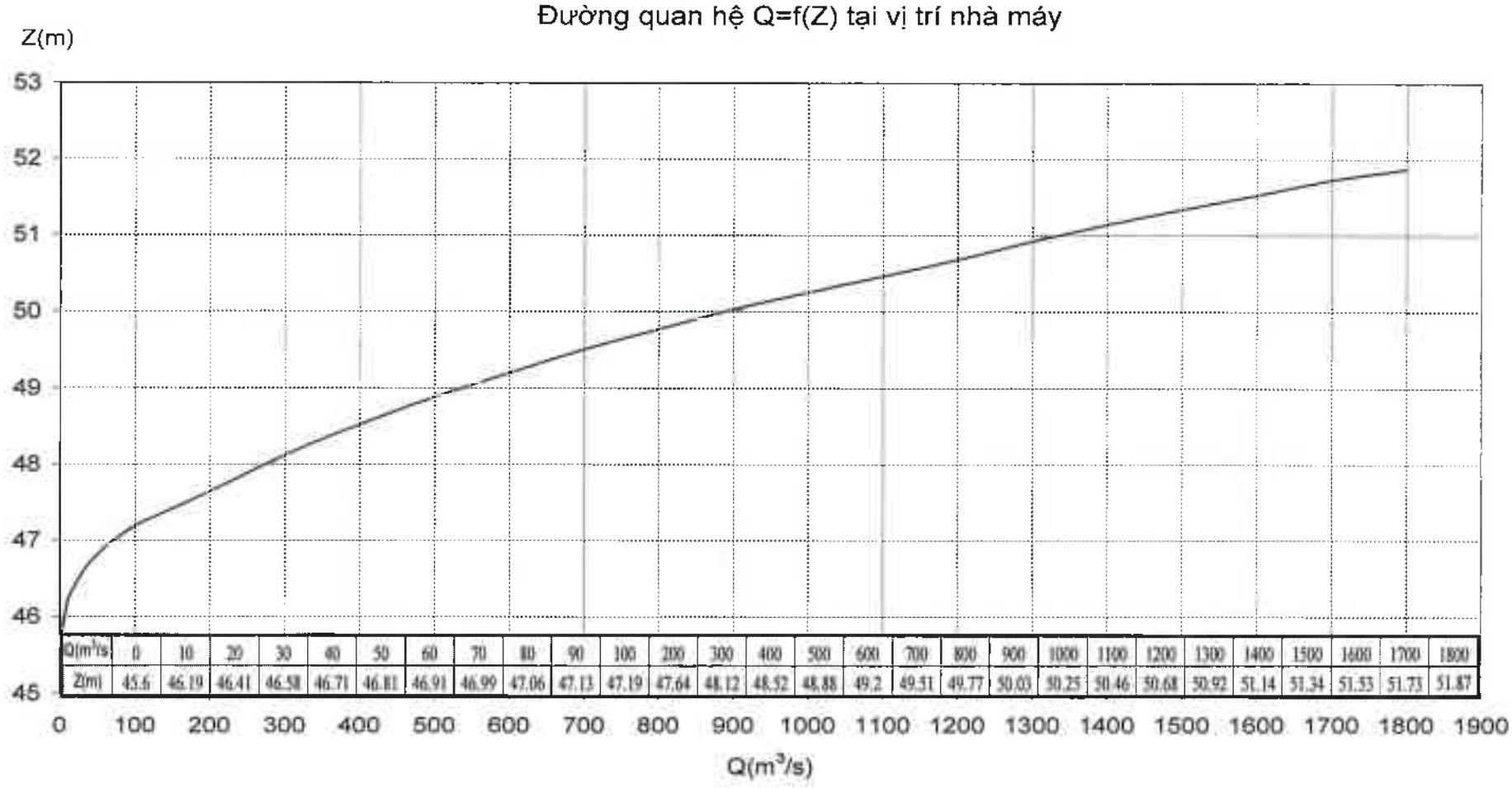
ĐƯỜNG QUAN HỆ (V~F~Z) TẠI VỊ TRÍ TUYẾN ĐẬP



Z(m)	443	450	455	460	465	470	475	480	485
F(km^2)	0.0	0.04	0.08	0.15	0.24	0.35	0.49	0.69	0.86
V(10^6m^3)	0.0	0.09	0.36	0.92	1.89	3.36	5.45	8.39	12.26

3. Số liệu và biểu đồ quan hệ lưu lượng - mực nước hạ lưu nhà máy.

Bảng 3: Quan hệ Q~Z hạ lưu nhà máy thủy điện Sông Giang 2

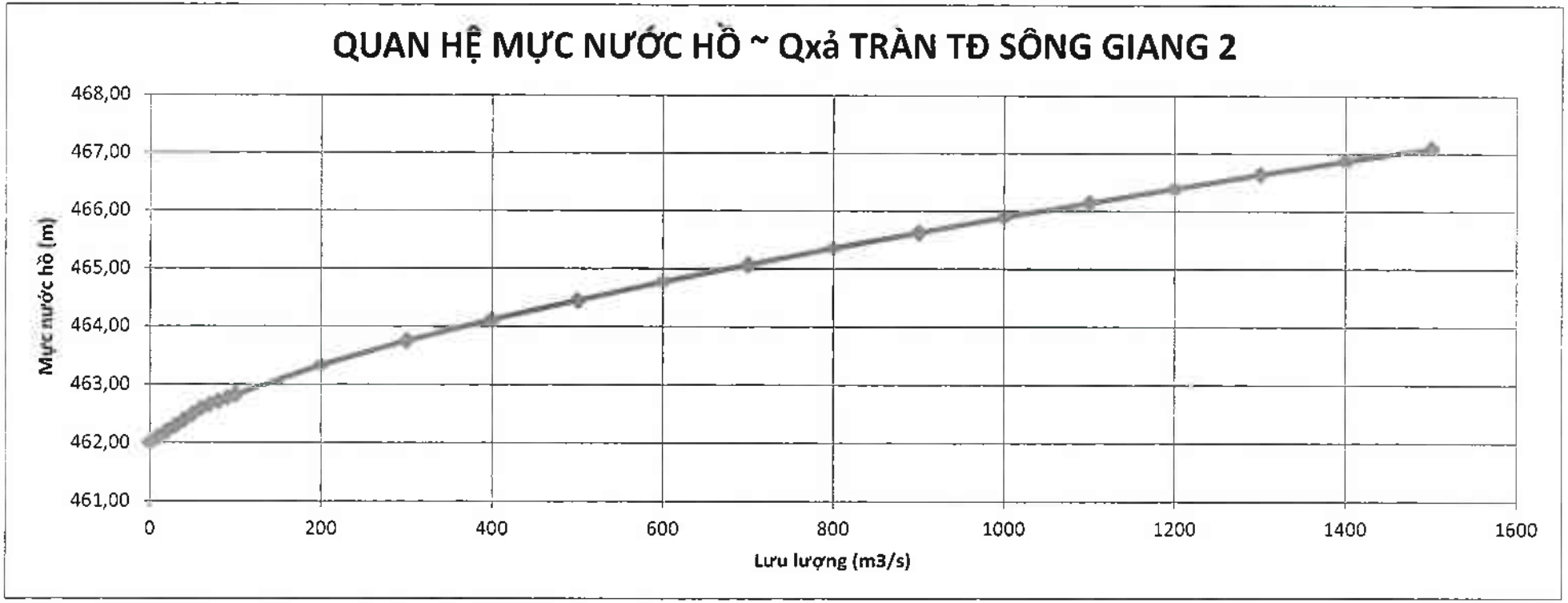


Q(m³/s)	0	10	20	30	40	50	60	70	80	90	100	200	300	400	500	600	700	800	900	1000	1100	1200	1300	1400	1500	1600	1700	1800
Z(m)	45.6	46.19	46.41	46.58	46.71	46.81	46.91	46.99	47.06	47.13	47.19	47.64	48.12	48.52	48.88	49.2	49.51	49.77	50.03	50.25	50.46	50.68	50.92	51.14	51.34	51.53	51.73	51.87

4. Khả năng xả của tràn thủy điện Sông Giang 2.

Bảng 4: Quan hệ Qxa~ mực nước hồ thủy điện Sông Giang 2

Qxa(m3/s)	0	10	20	30	40	50	60	70	80	90	100	200	300
Zho(m)	462,00	462,10	462,20	462,29	462,39	462,49	462,59	462,65	462,71	462,77	462,82	463,33	463,75
Qxa(m3/s)	400	500	600	700	800	900	1000	1100	1200	1300	1400	1500	
Zho(m)	464,12	464,49	464,77	465,07	465,35	465,62	465,89	466,14	466,39	466,64	466,87	467,10	



5. Quy chế phối hợp vận hành các hồ chứa thủy điện Sông Giang 1 và Sông Giang 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ PHỐI HỢP

VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG 1 VÀ SÔNG GIANG 2 TRÊN LƯU VỰC SÔNG GIANG

Khánh Hòa, tháng 9 năm 2026

QUY CHẾ PHỐI HỢP

VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG 1 VÀ SÔNG GIANG 2 TRÊN LƯU VỰC SÔNG GIANG

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN: CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG

Phân xưởng vận hành **Quản đốc**	**Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật sản xuất** **Trưởng phòng**
Phan Văn Công	**Đoàn Quốc Triệu**
Phó Tổng Giám đốc **Phụ trách Vận hành**	**Tổng Giám đốc**
Võ Anh Tuấn	**Nguyễn Thanh Vinh**

ĐƠN VỊ NHẬN TÀI LIỆU:

TT	Đơn vị	Số lượng
1	UBND tỉnh Khánh Hòa	01
2	Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa	01
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa	01
4	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	01
5	Công ty CP Khai thác thủy điện Sông Giang	01
6	Nhà máy thủy điện Sông Giang 1	01
7	Nhà máy thủy điện Sông Giang 2	01

MỤC LỤC

I	**Mục đích**
II	**Phạm vi áp dụng**
III	**Các văn bản pháp lý**
IV	**Danh sách các hồ chứa và địa chỉ liên hệ**
V	**Các định nghĩa và giới hạn cho phép**
V.1	*Tổng lưu lượng xả*
V.2	*Các thông số kỹ thuật và quy định về hồ chứa*
VI	**Quy định về trách nhiệm của đơn vị vận hành**
VII	**Cơ chế phối hợp vận hành các hồ chứa trên lưu vực sông Giang**
VII.1	*Các đối tượng được thông tin, thông báo*
VII.2	*Quy định các thông số cần thông tin, thông báo*
VII.3	*Quy định về cách thức phối hợp, cung cấp thông tin*
VIII	**Quy định về công tác thực hiện sau mùa lũ**
Phụ lục	**Thông tin liên hệ giữa các đơn vị**

I. Mục đích:

- Nhằm tăng cường công tác phối hợp vận hành, điều tiết nước hồ chứa, đặc biệt là công tác điều tiết lũ giữa các đơn vị quản lý, vận hành hồ chứa, các chủ đầu tư, quản lý vận hành các hồ, đập (chủ đập) trên cùng lưu vực sông, suối đảm bảo an toàn tuyệt đối cho nhân dân vùng hồ chứa và hạ du công trình, an toàn hồ chứa, các công trình đầu mối và hạ du trong giai đoạn vận hành và thi công;
- Quy chế này đề ra các quy tắc phối hợp giữa các nhà máy thủy điện (NMTĐ) trên cùng lưu vực nhằm đảm bảo an toàn tối đa cho các công trình, điều tiết phát điện và xả nước hợp lý góp phần giảm lũ cho hạ du và đảm bảo hiệu quả phát điện;
- Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thực hiện của các NMTĐ trong công tác phối hợp vận hành phát điện cũng như điều tiết lũ;
- Đảm bảo thông tin liên lạc, sự phối hợp chỉ đạo điều hành công tác vận hành hồ chứa trong mùa mưa lũ, nhằm thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đạt hiệu quả cao nhất.

II. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này áp dụng đối với hồ chứa thủy điện Sông Giang 1 và hồ chứa thủy điện Sông Giang 2 thuộc Công ty Cổ phần Khai thác Thủy điện Sông Giang;
- Các trường hợp đặc biệt: Ban Phòng thủ dân sự (PTDS) tỉnh Khánh Hòa, Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn tỉnh Khánh Hòa sẽ có văn bản chỉ đạo cụ thể.

III. Các văn bản pháp quy

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

- Luật Phòng chống thiên tai số 33/2023/QH13 ngày 19/06/2013; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP, ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

- Nghị định số 134/2013/NĐ-CP, ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Nghị định 133/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực;

- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

- Thông tư 09/2019/TT-BCT, ngày 08/7/2019 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

- Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thuỷ điện Sông Giang 2, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thuỷ điện Sông Giang 1, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

IV. Danh sách các hồ chứa và địa chỉ liên hệ

1. Danh sách các hồ chứa:

TT	Tên sông, suối	Tên hồ chứa	Đơn vị quản lý, vận hành hồ chứa	Chủ đầu tư
1	Sông Giang	Thủy điện Sông Giang 1	Công ty Cổ phần Khai thác Thủy điện Sông Giang	Công ty Cổ phần Khai thác Thủy điện Sông Giang
2	Sông Giang	Thủy điện Sông Giang 2		

2. Địa chỉ liên hệ:

2.1. Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà VNPT, số 50 Lê Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0258 3870 122

Email: admin@nesg.com.vn

2.2. Nhà máy Thủy điện Sông Giang 1

Địa chỉ: Thôn Suối Cá, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

2.3. Nhà máy Thủy điện Sông Giang 2

Địa chỉ: Thôn Suối Cá, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

V. Các định nghĩa và giới hạn cho phép

1. Tổng lưu lượng xả:

$Q_{xả} = Q_{tràn} + Q_{dctt} + Q_{cm}$

Trong đó

+ $Q_{xả}$: Lưu lượng xả;
+ $Q_{tràn}$: Lưu lượng xả qua tràn;
+ Q_{dctt} : Lưu lượng dòng chảy tối thiểu;
+ Q_{cm} : Lưu lượng chạy máy.

2. Các thông số kỹ thuật và quy định về hồ chứa

2.1. Hồ chứa thủy điện Sông Giang 1

a. Địa điểm xây dựng: Thôn Suối Cá, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

b. Nhiệm vụ công trình: Đảm bảo an toàn công trình; Cung cấp điện cho hệ thống điện Quốc Gia phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

c. Cấp công trình: Cấp III

d. Thông số kỹ thuật chính.

THÔNG SỐ CHÍNH DỰ ÁN THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG 1

TT	Các thông số	Đơn vị	Giá trị
I	**Cấp công trình**		**Cấp III**
II	**Đặc trưng lưu vực**		
1	Lượng mưa bình quân năm	mm	2440
2	Diện tích lưu vực tới tuyến đập	km^2	99
3	Lưu lượng bình quân năm, Qo	m^3/s	6,26
4	Tần suất lũ:		
	- Tần suất lũ P=0,1%	m^3/s	1247
	- Tần suất lũ P=0,2%	m^3/s	1121
	- Tần suất lũ P=0,5%	m^3/s	958
	- Tần suất lũ P=1,0%	m^3/s	842
	- Tần suất lũ P=1,5%	m^3/s	798
	- Tần suất lũ P=10%	m^3/s	487
III	**Hồ chứa**		
1	Mực nước lũ kiểm tra - MNGCKT (P=0,1%)	m	594,88
2	Mực nước lũ kiểm tra - MNGCKT (P=0,5%)	m	593,65
3	Mực nước lũ thiết kế - MNGCTK (P=1,5%)	m	593
4	Mực nước dâng bình thường - MNDBT	m	593
5	Mực nước chết - MNC	m	586
6	Dung tích hồ		
	- Dung tích hồ tại MNDBT=W_{bt}	10^6m^3	3,17
	- Dung tích hữu ích - W_{hi}	10^6m^3	2,53
	- Dung tích hồ tại MNC - W_c	10^6m^3	0,64
	- Diện tích mặt hồ F tại MNDBT	km^2	0,526
IV	**Các thông số chính**		
A	**Tuyến áp lực**		
1	**Đập dâng**		
	- Loại		Bê tông trọng lực
	- Cao trình đỉnh đập	m	595,3
	- Chiều rộng đỉnh đập	m	4
	- Chiều dài đập theo đỉnh	m	141,2
	- Chiều cao đập lớn nhất	m	24,8
2	**Đập tràn**		
2.1	***Đập tràn tự do***		
	- Loại ngưỡng		Thực dụng
	- Vị trí		Lòng sông
	- Cao trình ngưỡng tràn	m	593
	- Tổng chiều rộng tràn	m	39,5
	- Số khoang tràn	khoang	1
	- Hình thức tiêu năng		Tiêu năng mặt

TT	Các thông số	Đơn vị	Giá trị
2.2	***Đập tràn có cửa van***		
	- Loại tràn		Thực dụng có tường ngực
	- Vị trí		Lòng sông
	- Cao trình ngưỡng tràn	m	580,4
	- Tổng chiều rộng tràn	m	14
	- Số khoang tràn	khoang	2
	- Hình thức tiêu năng		Tiêu năng mặt
3	**Cống dẫn dòng kết hợp cống xả cát**		
	- Kích thước nxBxH	m	1x4x5
	- Chiều dài	m	38
	- Cao trình ngưỡng cống	m	580
4	**Cống xả môi trường**		
	- Đường kính ống	m	0,5
	- Chiều dài	m	36,63
B	**Tuyến năng lượng**		
1	**Cửa lấy nước**		
	- Vị trí		Bờ phải
	- Kích thước cửa vào nxBxH	m	1x5x3,4
	- Cao trình ngưỡng	m	581,4
	- Số khoang	Khoang	1
	- Lưu lượng thiết kế	m3/s	12,57
2	**Hầm dẫn nước**		Hầm có áp
	- Hình dạng		Chữ U ngược
	- Đường kính hầm đoạn không áo	m	3,4
	- Đường kính hầm đoạn bọc bê tông	m	3,4
	- Chiều dài	m	4284,67
	- Độ dốc đáy hầm	%	0,23
3	**Tháp điều áp**		
	- Loại		Nổi
	- Đường kính buồng trên	m	8,0
	- Đường kính lỗ cản	m	1,3
	- Cao trình đỉnh tháp	m	603
	- Tổng chiều cao tháp	m	34
4	**Nhà van**		
	- Loại		hở
	- Kích thước (LxBxH)	m	6,0x9,5x6,2
5	**Đường ống áp lực**		
	- Loại		Bằng thép

TT	Các thông số	Đơn vị	Giá trị
	- Tổng chiều dài L	m	632,25
	- Đường kính trong	m	2,1
	- Chiều dày lót thép trung bình	m	0,012 -0,016
6	**Nhà máy thủy điện**		
	- Loại		Hở
	- Tuốc bin Francis		Trục ngang
	- Số tổ máy	Tổ	2
	- Công suất lắp máy	MW	12
	- Cao trình sàn lắp máy	m	468
	- Kích thước nhà máy (LxBxH)	m	38,2x22x24,5
	- Mực nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất (MNHLmin)	m	462,0
	- Kênh xả		
	+ Bề rộng đáy kênh	m	3
	+ Độ dốc đáy kênh	%	0,002
7	**Trạm phân phối điện - Tủ phân phối điện**	35kV	
	- Loại		Trong nhà
	- Kiểu		Hợp bộ
V	**Công suất và điện lượng**		
1	Lưu lượng đảm bảo - Qđb	m^3/s	3,02
2	Lưu lượng max qua nhà máy – Qmax	m^3/s	12,57
3	Cột nước lớn nhất –Hmax	m	132,19
4	Cột nước nhỏ nhất –Hmin	m	111,26
5	Cột nước bình quân –Htb	m	126,24
6	Công suất lắp máy –Nlm	MW	12
7	Công suất đảm bảo –Nđb	MW	3,32
8	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	h	4018
9	Điện lượng trung bình năm - Etb	10^6 kWh	48,22
VI	**Diện tích đất chiếm dụng**	ha	71,93

2.2. Hồ chứa thủy điện Sông Giang 2

a. Địa điểm xây dựng: thôn Suối Cá, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

b. Nhiệm vụ công trình: Đảm bảo an toàn công trình; Cung cấp điện cho hệ thống điện Quốc Gia phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

c. Cấp công trình: Cấp III

d. Thông số kỹ thuật chính:

THÔNG SỐ CHÍNH DỰ ÁN THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG 2

TT	CÁC THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
	CẤP CÔNG TRÌNH		Cấp III	

TT	CÁC THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
I	**Đặc trưng lưu vực**			
1	Diện tích lưu vực tới tuyến chọn	km^2	121	
2	Lượng mưa bình quân năm	mm	2000	
3	Dòng chảy			
	- Lũ tần suất P= 0.1%	m^3/s	1662	
	- Lũ tần suất P= 0.2%	m^3/s	1502	
	- Lũ tần suất P= 1%	m^3/s	1043	
	- Lũ tần suất P = 10%	m^3/s	557	
	- Lưu lượng bình quân năm, Qo	m^3/s	5,7	
II	**Hồ chứa**			
1	Mực nước lũ kiểm tra-MNGCKT	m	467,07	P= 0.2%
2	Mực nước lũ thiết kế-MNGCTK	m	466,26	P= 1%
3	Mực nước dâng bình thường-MNDBT	m	462	
4	Mực nước chết - MNC	m	460	
5	Dung tích hồ			
	- Dung tích hồ tại MNDBT - Wbt	10^6m^3	1,31	
	- Dung tích hữu ích - Whi	10^6m^3	0,39	
	- Dung tích hồ tại MNC - Wc	10^6m^3	0,92	
6	Diện tích mặt hồ F tại MNDBT	km^2	0,19	
III	**Các đặc trưng công trình**			
1	***Tuyến áp lực***			
a	Đập chính			
	- Loại: đập bê tông trọng lực			
	- Cao trình đỉnh đập	m	467,5	
	- Chiều rộng đỉnh đập	m	4	
	- Chiều dài đập theo đỉnh (gồm cả tràn, cửa lấy nước)	m	166,3	
	- Chiều cao đập lớn nhất	m	17,5	
b	Tràn tự do			
	- Loại ngưỡng:		Ôphixêrôp	
	- Vị trí		Lòng sông	
	- Cao trình ngưỡng tràn	m	462	
	- Tổng chiều rộng các khoang tràn	m	60	

TT	CÁC THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
	- Số khoang tràn	khoang	1	
	- Hình thức tiêu năng		Mặt	
c	Cống dẫn dòng			
	- Số lượng	cống	1	
	- Kích thước BxH	m	5x5	
	- Chiều dài	m	21	
	- Cao trình ngưỡng cống	m	445	
d	Đập phụ			
	- Loại: đập đất			
	- Cao trình đỉnh đập	m	467,5	
	- Chiều rộng đỉnh đập	m	7	
	- Chiều dài đập theo đỉnh	m	26,62	
	- Chiều cao đập lớn nhất	m	7,00	
2	***Tuyến năng lượng***			
a	Cửa lấy nước			
	- Vị trí		Vai phải đập	
	- Kích thước cửa vào BxH	m	4x4	
	- Cao trình ngưỡng	m	454	
	- Số khoang	Khoang	1	
	- Lưu lượng lớn nhất	m^3/s	11,45	
b	Kênh dẫn bê tông			
	- Loại		Có áp	
	- Chiều dài	m	235,8	
	- Kích thước bxh	m	2x2	
	- Cao trình đầu kênh	m	454	
	- Độ dốc i		1/1000	
c	Đường ống thép dẫn nước			
	- Loại		Có áp	
	- Chiều dài	m	596,5	
	- Đường kính trong	m	1,8	
	- Chiều dày	mm	12	
d	Đường hầm dẫn nước			

TT	CÁC THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
	- Hình dạng		chữ U ngược	
	- Đường kính	m	2,5	
	- Chiều dài	m	3907,3	
e	Tháp điều áp			
	- Loại		ngầm, nổi	
	- Đường kính giếng	m	10	
	- Cao trình đỉnh tháp	m	475	
	- Cao trình đáy tháp	m	431,3	
f	Nhà van			
	- Loại		hở	
	- Kích thước (LxBxH)	mxmxm	6,0x9,5x6,2	
g	Đường ống áp lực			
	- Loại		có áp	
	- Chiều dài	m	1305,25	
	- Đường kính trong	m	1,8	
	- Chiều dày	mm	12-30	
h	Nhà máy thủy điện			
	- Loại		Hở	
	- Số tổ máy	Tổ	2	
	- Mực nước lớn nhất (P=0.2%)	m	51,37	
	- Cao trình sàn lắp máy	m	61,4	
	- Kích thước nhà máy (LxBxH)	m	38,5x22,4x30	
	- Công suất đơn vị tổ máy	MW	18,5	
	- Cần trục di chuyển	T	60	
hl	Tuốc bin			
	- Loại		Pelton trục đứng	
	- Số lượng	Bộ	2	
h2	Máy phát điện			
	- Loại		Kiểu treo	
	- Công suất	MW	37	
	- Số lượng	Bộ	2	
i	Trạm phân phối điện			

TT	CÁC THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
	- Loại		Ngoài trời	
	- Cấp điện áp	kV	110	
	- Kích thước (LxB)	m	25x37	
	- Ngăn đấu nối 110/35/10 KV	ngăn	3	
IV	**Công suất và điện lượng**			
1	Lưu lượng đảm bảo - Q_{db}	m^3/s	2,79	P=85%
2	Lưu lượng max qua nhà máy - Q_{max}	m^3/s	11,45	
3	Cột nước lớn nhất - H_{max}	m	407,61	
4	Cột nước nhỏ nhất - H_{min}	m	381,79	
5	Cột nước bình quân - H_{tb}	m	401,92	
6	Công suất lắp máy - N_{lm}	MW	37	
7	Công suất đảm bảo - N_{db}	MW	9,53	
8	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	h	3828	
9	Điện lượng trung bình năm-E_{tb}	10^6kWh	141,7	

VI. Quy định về trách nhiệm của đơn vị vận hành.

1. Hồ thủy điện Sông Giang 1

- Thực hiện theo đúng nội dung quy định Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thuỷ điện Sông Giang 1, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa;

- Tuân thủ các quy định trong "Quy chế phối hợp vận hành các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Giang";

- Khi đóng mở các cửa van xả phải tuân thủ yêu cầu kỹ thuật riêng của thiết bị công nghệ - công trình.

2. Hồ thủy điện Sông Giang 2

- Thực hiện theo đúng nội dung quy định Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thuỷ điện Sông Giang 2, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa;

- Tuân thủ các quy định trong "Quy chế phối hợp vận hành các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Giang".

VII. Quy chế phối hợp vận hành các hồ chứa trên lưu vực sông Giang.

1. Các đối tượng được thông tin, thông báo:

1.1. Công ty Cổ phần Khai thác Thủy điện Sông Giang;

1.2. NMTĐ Sông Giang 1;

1.3. NMTĐ Sông Giang 2;

1.4. Các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan;

1.5. Chính quyền địa phương (UBND xã Trung Khánh Vĩnh)

2. Quy định các thông số cần thông tin, thông báo.

STT	Thông số	Đơn vị	Thời điểm (giờ, ngày, tháng, năm)	Dự kiến trong thời gian tới
1	Cao trình mực nước thượng lưu, mực nước hạ du đập	m		
2	Lưu lượng nước về hồ	m^3/s		
3	Tổng lưu lượng xả	m^3/s		
	- Qua đập tràn	m^3/s		
	- Qua tổ máy	m^3/s		
	+ Số tổ máy làm việc	TM		
	+ Thời gian làm việc	h		

3. Quy định về cách thức phối hợp, cung cấp thông tin

3.1. Trường hợp vận hành bình thường

a. NMTĐ Sông Giang 1 với NMTĐ Sông Giang 2:

- Trước khi thao tác khởi động hoặc dừng các tổ máy, trực ca đương nhiệm của NMTĐ Sông Giang 1 thông báo cho trực ca đương nhiệm của NMTĐ Sông Giang 2 số tổ máy dự kiến làm việc, lưu lượng xả dự kiến, thời gian dự kiến chạy và ngừng của từng tổ máy;

- Trước khi thao tác đóng, mở các cửa xả, trực ca đương nhiệm của NMTĐ Sông Giang 1 thông báo cho trực ca đương nhiệm NMTĐ Sông Giang 2 và các đơn vị liên quan được biết;

- Khi mực nước thượng lưu hồ thủy điện Sông Giang 1 bắt đầu vượt ngưỡng tràn và trường hợp lưu lượng xả cứ tăng thêm ở mức >= 10 m^3/s, trực ca đương nhiệm của NMTĐ Sông Giang 1 thông báo cho trực ca đương nhiệm của NMTĐ Sông Giang 2 và các đơn vị liên quan được biết;

- Các trường hợp lưu lượng về hồ tăng đột biến, trực ca đương nhiệm của NMTĐ Sông Giang 1 thông báo cho trực ca đương nhiệm của NMTĐ Sông Giang 2 nắm thông tin.

b. NMTĐ Sông Giang 2 với NMTĐ Sông Giang 1:

- Trước khi thao tác khởi động hoặc dừng các tổ máy, trực ca đương nhiệm của NMTĐ Sông Giang 2 thông báo cho trực ca đương nhiệm của NMTĐ Sông Giang 1 số tổ máy dự kiến làm việc, lưu lượng xả dự kiến, thời gian dự kiến chạy và ngừng của từng tổ máy.

3.2. Trường hợp vận hành khẩn cấp, khi công trình bị sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

- Khi các hồ xả lũ khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình đầu mối, ngoài việc báo cáo các cơ quan liên quan theo Quy trình, trực ca đương nhiệm cần thông báo cho địa phương (UBND xã Trung Khánh Vĩnh) biết để có biện pháp ứng phó đảm bảo an toàn cho hạ du;

- Trường hợp xảy ra lũ lớn trên toàn lưu vực, việc vận hành của các hồ chứa phía thượng lưu có khả năng gây nguy cơ gây mất an toàn các công trình đầu mối phía hạ lưu. Chủ đập phải cung cấp, trao đổi thông tin về quá trình vận hành, đề xuất phương án vận hành tối ưu, giảm thiểu thiệt hại đối với công trình đầu mối và hệ thống công trình phía hạ du.

3.3. Quy định về hình thức thông tin

- Các bên trao đổi thông tin với nhau bằng các phương tiện thông tin như: Văn bản, email, điện thoại, SMS, Zalo... Ưu tiên thông tin trước bằng điện thoại, SMS, Zalo, văn bản gốc gửi sau để theo dõi và lưu hồ sơ. Số điện thoại và email như phụ lục đính kèm.

3.4. Trách nhiệm của chủ đập trong công tác vận hành các hồ chứa

a. NMTĐ Sông Giang 1:

- Sau khi Trưởng ca đương nhiệm quyết định thao tác đóng mở cửa xả của đập NMTĐ Sông Giang 1 (theo quy trình điều tiết hoặc căn cứ tình hình thực tế), Trưởng ca (hoặc người được ủy quyền) có trách nhiệm thông báo ngay cho Trưởng ca đương nhiệm của NMTĐ Sông Giang 2 để điều tiết mực nước trên toàn lưu vực sông Giang;

- Trong quá trình vận hành công trình, nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối NMTĐ Sông Giang 1, đòi hỏi phải xử lý tức thời, thì Tổng Giám đốc Công ty CP Khai thác Thủy điện Sông Giang có trách nhiệm báo cáo tình hình, đề xuất biện pháp xử lý với Trưởng ban PTDS tỉnh Khánh Hòa, đồng thời thông báo cho NMTĐ Sông Giang 2 bậc dưới và nhân dân phía hạ du được biết;

- Khi mực nước hồ Sông Giang 1 đã ở mực nước dâng bình thường 593m và dự báo có thể tiếp tục lên và vượt cao trình mực nước lũ gia cường (kiểm tra) 593,65m, bắt đầu chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình: mở dần các cửa xả để mực nước hồ giảm. Đồng thời thông báo bằng email, điện thoại, SMS, Zalo... cho NMTĐ Sông Giang 2 (bậc dưới) và nhân dân phía hạ du được biết.

b. NMTĐ Sông Giang 2:

- Trong quá trình vận hành công trình, nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải xử lý tức thời, thì Tổng Giám đốc Công ty CP Khai thác Thủy điện Sông Giang có trách nhiệm báo cáo tình hình, đề xuất biện pháp xử lý với Trưởng BCH PTDS tỉnh Khánh Hòa, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, đồng thời thông báo cho NMTĐ Sông Giang 1 (bậc trên) được biết;

- Khi mực nước hồ Sông Giang 2 đã ở mực nước dâng bình thường 462m và dự báo có thể tiếp tục lên và vượt cao trình mực nước lũ gia cường (kiểm tra) 467,07m, khẩn trương thông báo bằng email, điện thoại, SMS, Zalo... cho NMTĐ Sông Giang 1 bậc trên và các cơ quan liên quan theo Quy trình vận hành hồ chứa.

VIII. Một số quy định chung

1. Trước mùa lũ, các chủ đập chủ động tiến hành rà soát, lập, trình duyệt các phương án ứng phó thiên tai, ứng phó tình huống khẩn cấp…; phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra tình trạng an toàn công trình đập, hồ chứa, cụm đầu mối…; tiến hành kiểm tra, nạo vét hệ thống thoát nước, chuẩn bị phương tiện, vật tư phòng chống lụt bão… đảm bảo ứng phó với tình hình mưa lũ.

2. Sau mùa lũ, các chủ đập có trách nhiệm rà soát, tổng hợp thiệt hại do lũ gây ra có ảnh hưởng tới trạng thái làm việc của các công trình và có biện pháp khắc phục các hậu quả để đảm bảo cho các công trình vận hành phát điện hiệu quả.

Trên đây là Quy chế phối hợp vận hành các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Giang đã được thống nhất giữa NMTĐ Sông Giang 1 và NMTĐ Sông Giang 2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, đề nghị gửi ý kiến tham gia về Công ty CP Khai thác Thủy điện Sông Giang để tổng hợp bổ sung, chỉnh sửa theo quy định.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

PHỤ LỤC: THÔNG TIN LIÊN HỆ GIỮA CÁC ĐƠN VỊ

1. Công ty cổ phần Khai thác Thủy điện Sông Giang.

- Trực ban giờ hành chính: Từ 07 giờ 30 đến 17 giờ hàng ngày (trừ ngày nghỉ, lễ, tết):

+ Điện thoại: 0258 3870 122 Email: admin@nesg.com.vn

TT	Họ tên, chức vụ	Số điện thoại di động/SMS/Zalo
1	Ông: Nguyễn Thanh Vinh, Tổng Giám đốc	096 3621232
2	Ông: Võ Anh Tuấn, Phó Tổng Giám đốc	097 7424666
3	Ông: Đoàn Quốc Triệu, Trưởng phòng KH-KT Sản xuất	097 9201777
4	Ông: Phan Văn Công, Quản đốc phân xưởng vận hành	096 3133639

2. NMTĐ Sông Giang 1.

- Trực ban (24h/24h): Trưởng ca NMTĐ Sông Giang 1:

+ Điện thoại: 0329488479 Email: sg1@nesg.com.vn

TT	Họ tên, chức vụ	Số điện thoại di động/SMS/Zalo
1	Nguyễn Văn Huấn	0968057077
2	Nguyễn Ngọc Hải	0376363921
3	Đỗ Trần Bảo	0966283499
4	Hoàng Quang Minh	0328246345

3. NMTĐ Sông Giang 2.

- Trực ban (24h/24h): Trưởng ca NMTĐ Sông Giang 2:

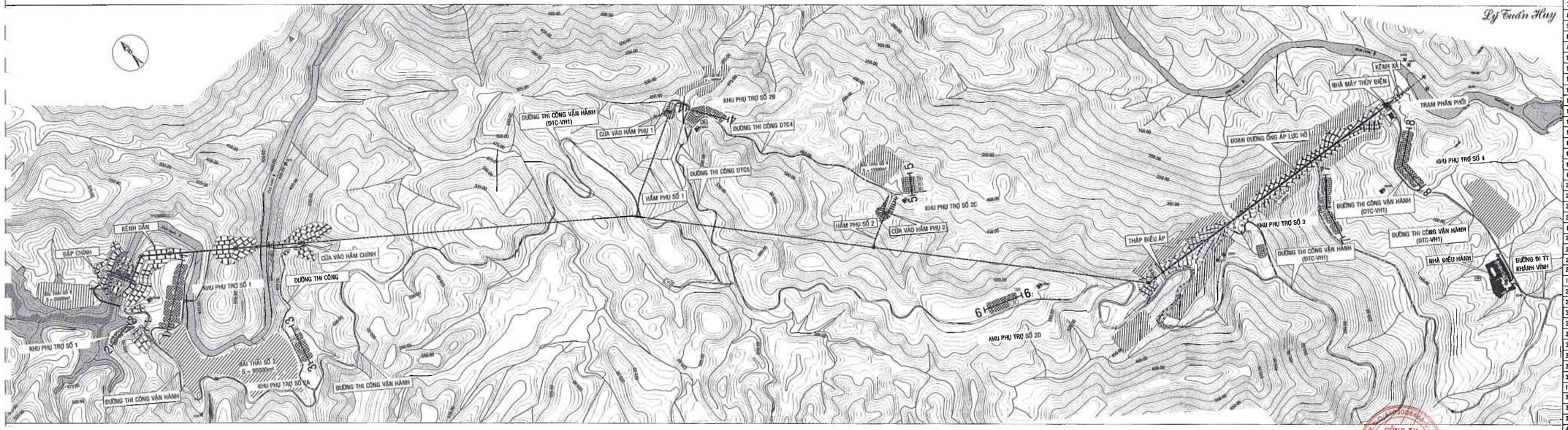
+ Điện thoại: 096 3355651 Email: songgiang02@gmail.com

TT	Họ tên, chức vụ	Số điện thoại di động/SMS/Zalo
1	Phan Văn Công	096 3133639
2	Đinh Phú Thìn	096 8056589
3	Vũ Văn Xa	096 8054886
4	Nguyễn Ngọc Hòa	090 5501003

BẢN ĐỒ TỔNG THỂ KHU PHỤ TRỢ

TỶ LỆ 1:10000

CTY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
KTKS
12-03-2009
ĐÃ KIỂM TRA
Lý Tuấn Huy



TT	HẠNG MỤC
I	KHU PHỤ TRỢ SỐ 1: CỤM ĐẦU MỐI
1	Trạm nghiền sàng
2	Trạm trộn bê tông số 1
3	Cơ sở cốt pha, cốt thép
4	Cơ sở sửa chữa và bãi đỗ xe
5	Kho xăng dầu
6	Trạm cứu hỏa
7	Kho vật tư - xi măng
8	Bãi lắp ráp thiết bị
9	Khu nhà ở và khu làm việc
II	KHU PHỤ TRỢ SỐ 2: ĐƯỜNG HẦM
A	CỬA VÀO
10	Cơ sở phụ trợ hầm 1
11	Khu nhà ở và làm việc
12	Cơ sở cốt pha, cốt thép
13	Cơ sở sửa chữa và bãi đỗ xe
B	HẦM PHỤ 1
14	Cơ sở phụ trợ hầm 2
15	Khu nhà ở và làm việc
16	Cơ sở cốt pha, cốt thép
17	Cơ sở sửa chữa và bãi đỗ xe
18	Trạm trộn bê tông số 2
19	Kho mìn
C	HẦM PHỤ 2
20	Cơ sở phụ trợ hầm 3
21	Khu nhà ở và làm việc
22	Cơ sở cốt pha, cốt thép
23	Cơ sở sửa chữa và bãi đỗ xe
D	THÁP ĐIỀU ÁP VÀ NHÀ VAN
24	Cơ sở phụ trợ hầm 4
25	Khu nhà ở và làm việc
26	Cơ sở cốt pha, cốt thép
27	Cơ sở sửa chữa và bãi đỗ xe
III	KHU PHỤ TRỢ SỐ 3: ĐƯỜNG ỐNG ÁP LỰC
28	Khu nhà ở và làm việc 1
29	Cơ sở phụ trợ 1
30	Bãi lắp ráp thiết bị 1
31	Khu nhà ở và làm việc 2
32	Cơ sở phụ trợ 2
33	Cơ sở sửa chữa và bãi đỗ xe
34	Bãi lắp ráp thiết bị 2
35	Kho xăng dầu
36	Trạm cứu hỏa
IV	KHU PHỤ TRỢ SỐ 4: NHÀ MÁY, KÊNH XẢ
37	Khu nhà ở và làm việc
38	Cơ sở phụ trợ nhà máy
39	Trạm trộn bê tông số 3
40	Bãi lắp ráp thiết bị
41	Khu nhà điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

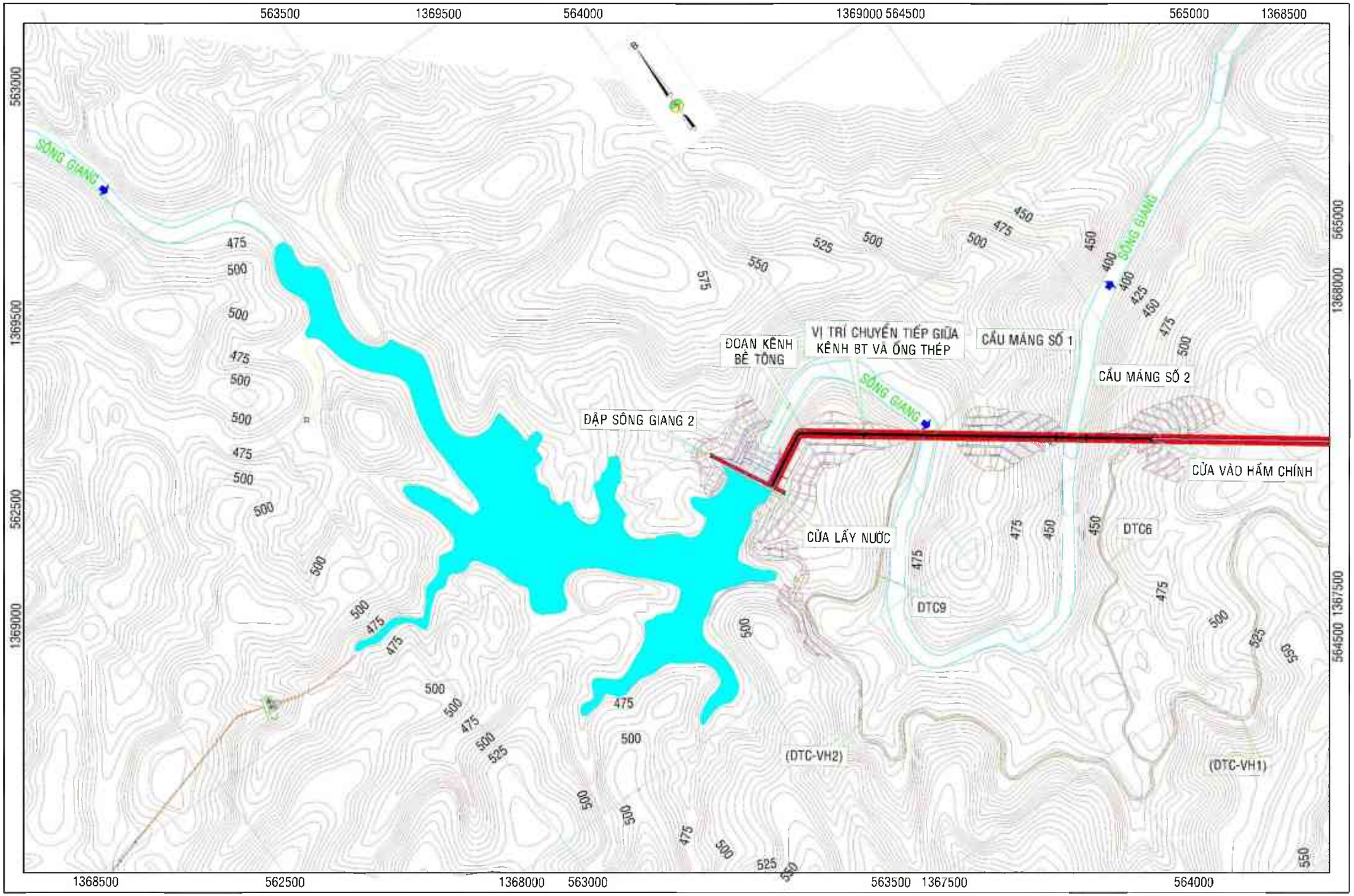
TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
PECC3

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG
THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG 2
KHU PHỤ TRỢ

Tr. Phòng	Nguyễn Sĩ Trung	
C.N.T.K	Phạm Ngọc Tôn	
C.N.D.C	Ng. Xuân Hoàng	
Kiểm tra	Nguyễn Sĩ Trung	
Người lập	Hồ Phúc Nguyên	

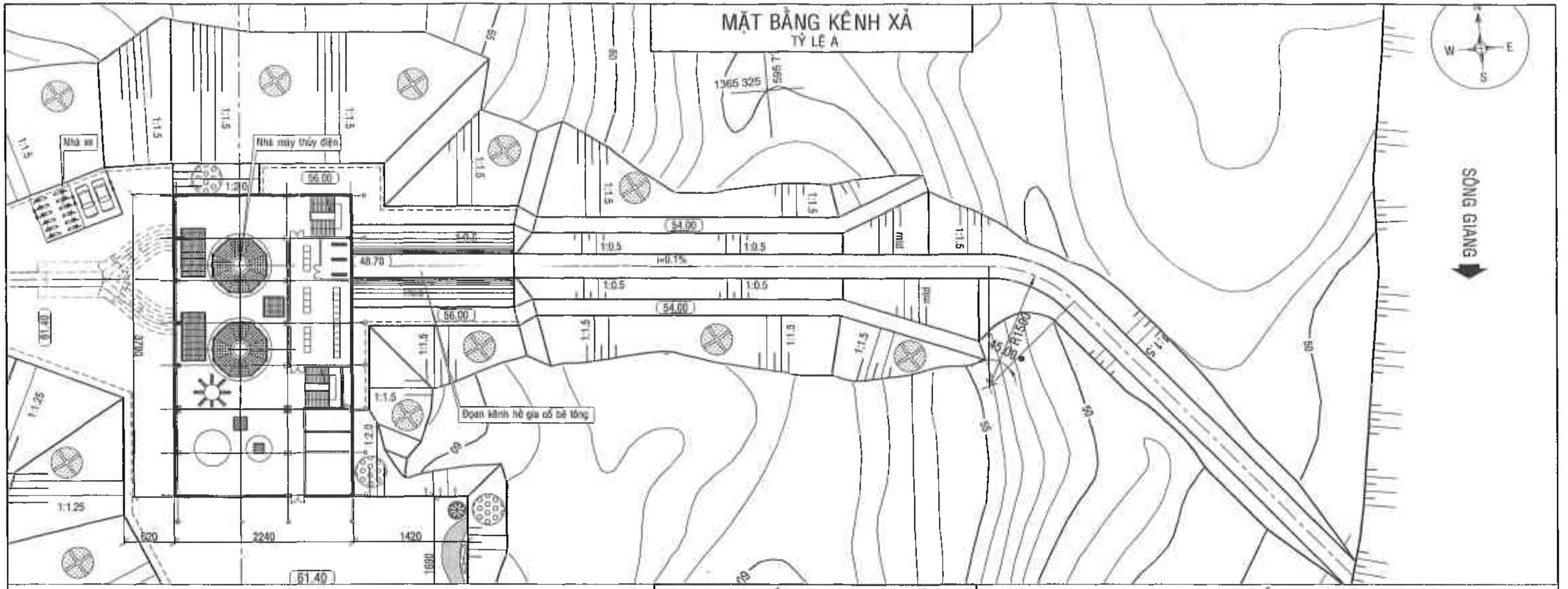
BẢN ĐỒ TỔNG THỂ KHU PHỤ TRỢ

TKKT-2	3-2009	18015F-KTKS-ĐC.32	1/1
Tỷ lệ	1:10.000		

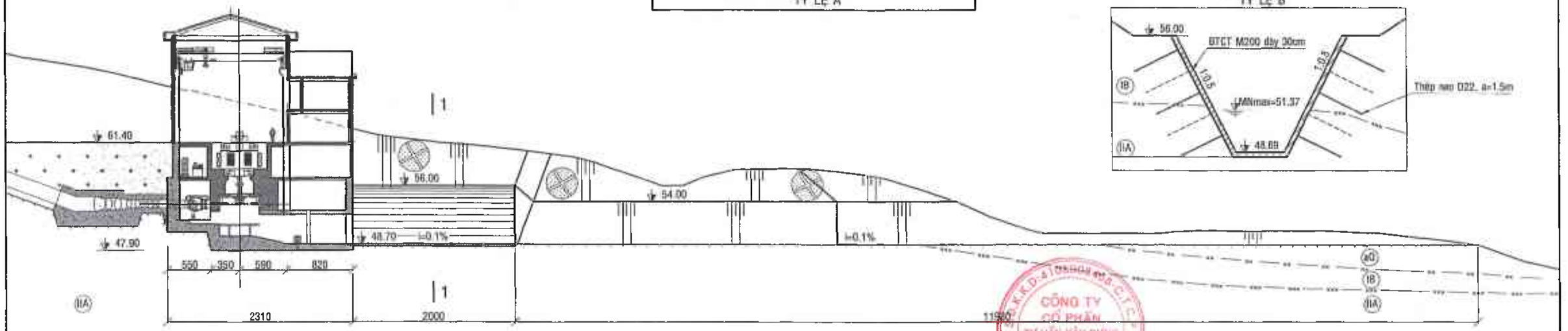


MẶT BẰNG BỐ TRÍ TUYẾN ĐẬP, HỒ CHỨA CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG 2

MẶT BẰNG KÊNH XẢ
TỶ LỆ A



MẶT CẮT DỌC KÊNH XẢ
TỶ LỆ A



MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ B

GHI CHÚ:

- Bản vẽ này được thiết kế trên bình đồ 1/500 do Công ty tư vấn Đại học Xây Dựng lập tháng 5/2008 và tài liệu địa chất do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 lập tháng 12/2008.
- Các kích thước ghi trong bản vẽ đơn vị là cm, cao độ là m.

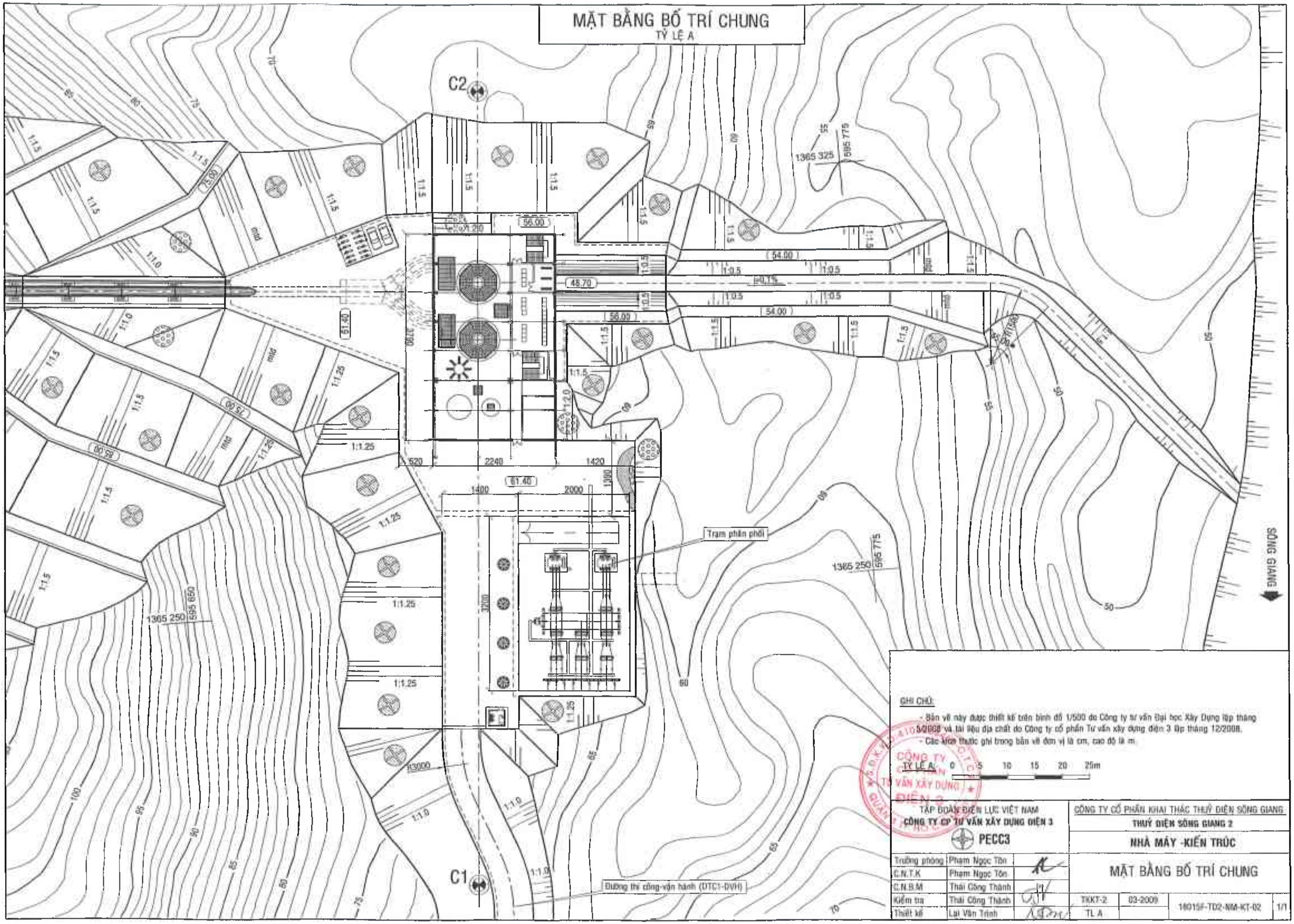
TỶ LỆ A: 0 5 10 15 20 25m

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

	TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 PECC3		CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG 2 NHÀ MÁY			
Trưởng phòng	Phạm Ngọc Tôn		MẶT BẰNG - CẮT DỌC KÊNH XẢ			
C.N.T.K	Phạm Ngọc Tôn					
C.N.B.M	Thái Công Thành					
Kiểm tra	Ngô Văn Hùng		TKKT-2	03-2009	18015F-TD2-NM-KT-17	1/1
Thiết kế	Thái Công Thành		TL A			

MẶT BẰNG BỐ TRÍ CHUNG

TỶ LỆ A



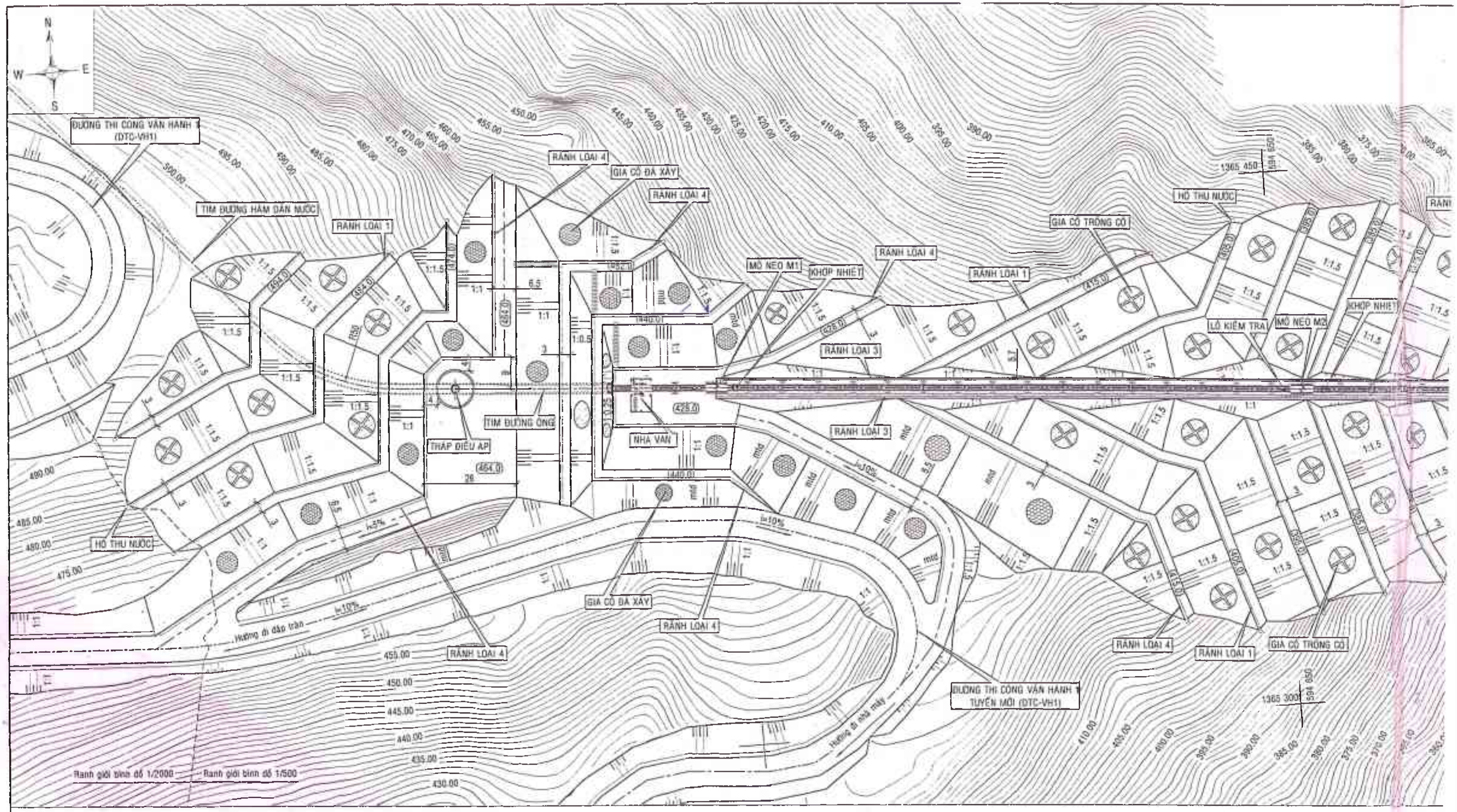
GHI CHÚ:

- Bản vẽ này được thiết kế trên bình đồ 1/500 do Công ty tư vấn Đại học Xây Dựng lập tháng 5/2008 và tài liệu địa chất do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 lập tháng 12/2008.
- Các kích thước ghi trong bản vẽ đơn vị là cm, cao độ là m.

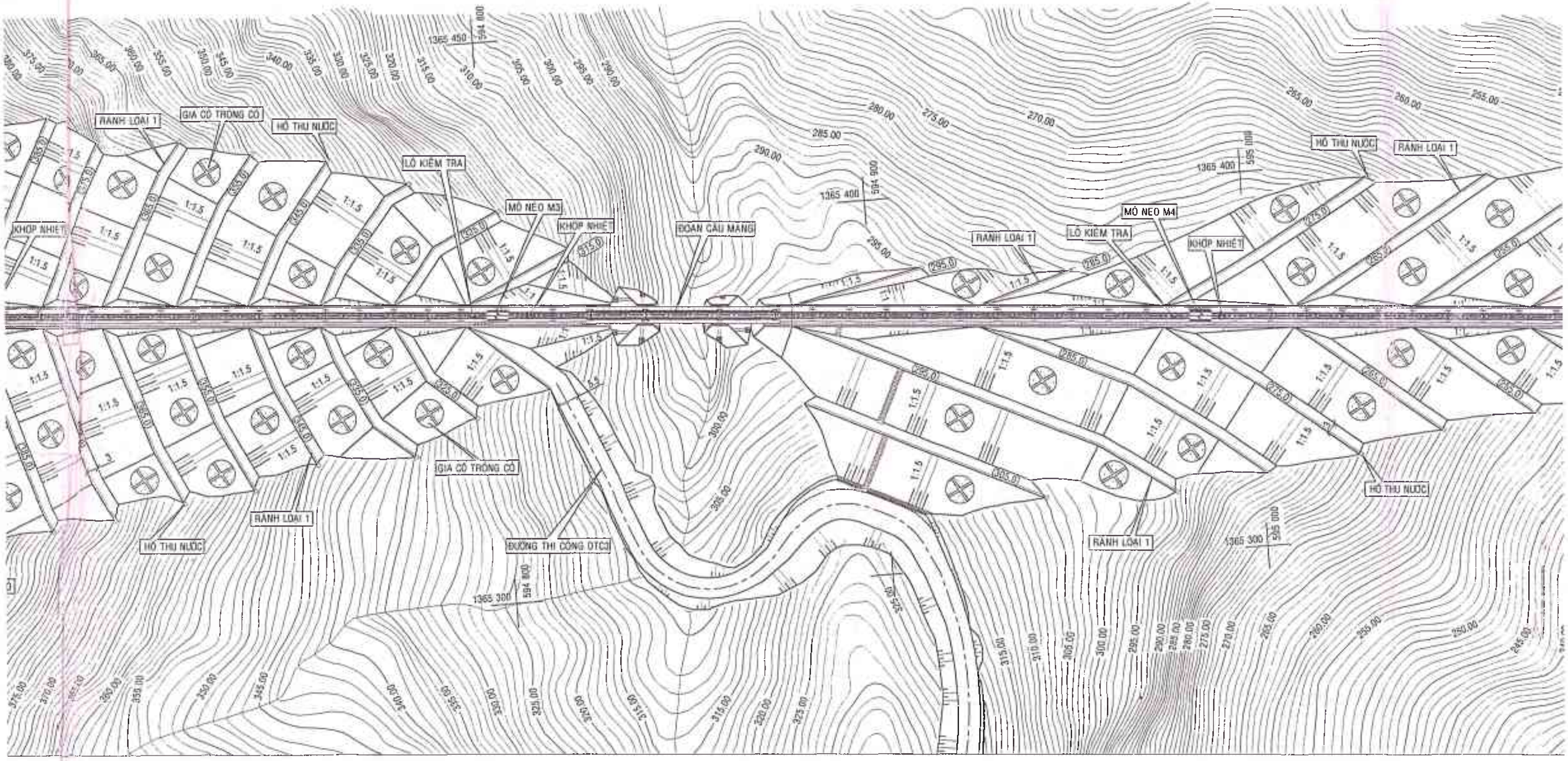
TỶ LỆ A: 0 5 10 15 20 25m

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 PECC3			CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG 2 NHÀ MÁY -KIẾN TRÚC MẶT BẰNG BỐ TRÍ CHUNG			
Trưởng phòng	Phạm Ngọc Tôn					
C.N.T.K	Phạm Ngọc Tôn					
C.N.B.M	Thái Công Thành					
Kiểm tra	Thái Công Thành		TKKT-2	03-2009	16015F-TD2-NM-KT-02	1/1
Thiết kế	Lại Văn Trình		TL A			

ĐƯỜNG ỐNG ÁP LỰC

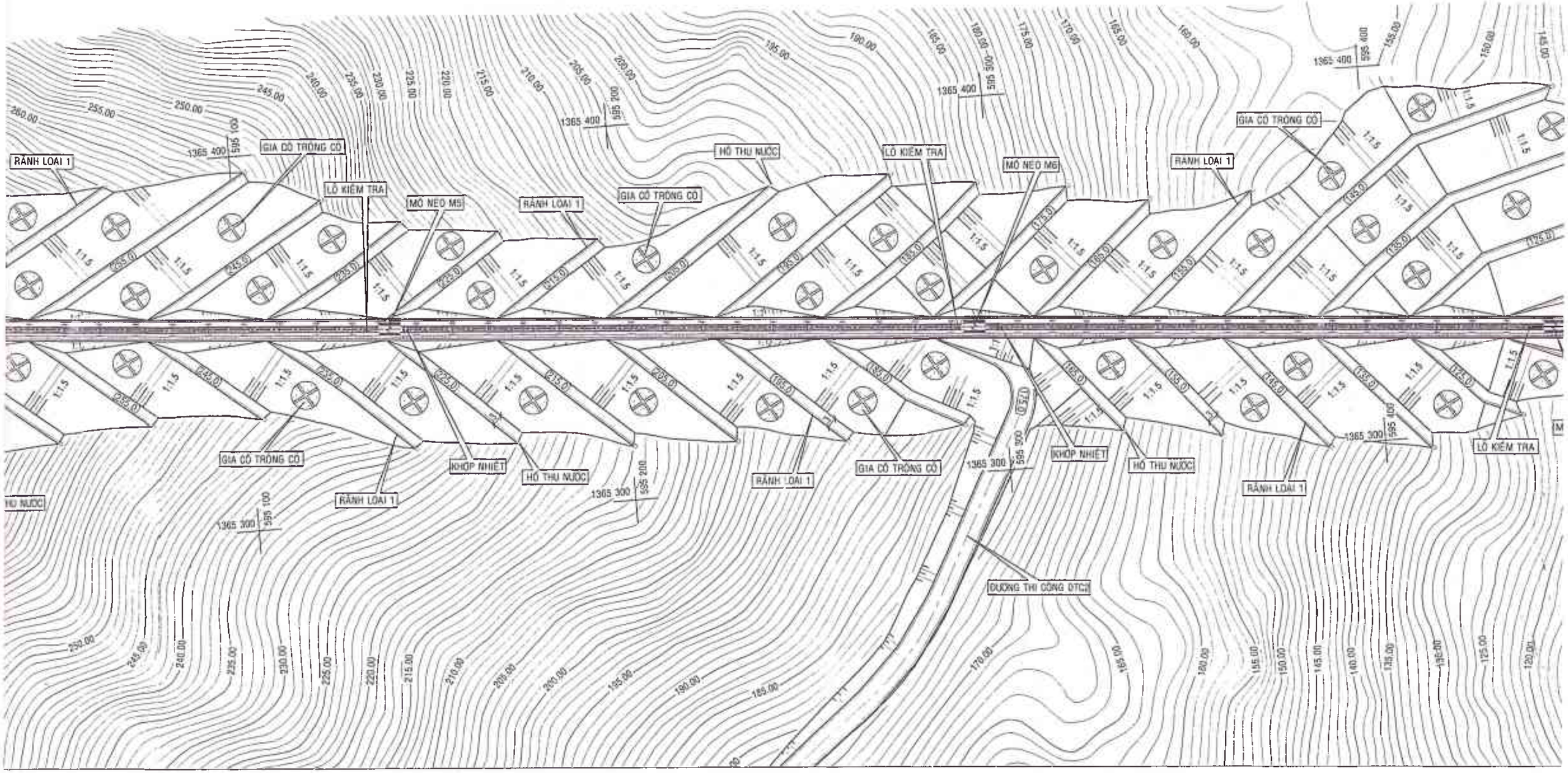

N
W
E
S
ĐƯỜNG THI CÔNG VẬN HÀNH 1 (DTC-VH1)
TIM ĐƯỜNG HẦM DẪN NƯỚC
RÃNH LOẠI 1
RÃNH LOẠI 4
GIA CỐ ĐÁ XÂY
RÃNH LOẠI 4
MỐ NEO M1
KHỚP NHIỆT
RÃNH LOẠI 4
RÃNH LOẠI 1
GIA CỐ TRỒNG CỎ
HỐ THU NƯỚC
LỖ KIỂM TRA
MỐ NEO M2
KHỚP NHIỆT
RÃNH LOẠI 3
RÃNH LOẠI 3
TIM ĐƯỜNG ỐNG
THÁP ĐIỀU ÁP
NHÀ VAN
HỐ THU NƯỚC
GIA CỐ ĐÁ XÂY
RÃNH LOẠI 4
RÃNH LOẠI 4
RÃNH LOẠI 4
RÃNH LOẠI 1
GIA CỐ TRỒNG CỎ
ĐƯỜNG THI CÔNG VẬN HÀNH TUYẾN MỚI (DTC-VH1)
Hướng đi đập tràn
Hướng đi nhà máy
Ranh giới bình đồ 1/2000
Ranh giới bình đồ 1/500

20


RÃNH LOẠI 1
GIA CỐ TRỒNG CỎ
HỐ THU NƯỚC
LỖ KIỂM TRA
MỐ NEO M3
KHỚP NHIỆT
ĐOẠN CẦU MÁNG
RÃNH LOẠI 1
LỖ KIỂM TRA
MỐ NEO M4
KHỚP NHIỆT
HỐ THU NƯỚC
RÃNH LOẠI 1
GIA CỐ TRỒNG CỎ
RÃNH LOẠI 1
HỐ THU NƯỚC
ĐƯỜNG THI CÔNG DTCT
RÃNH LOẠI 1
HỐ THU NƯỚC
1365 450
1365 400
1365 400
1365 300
1:1.5

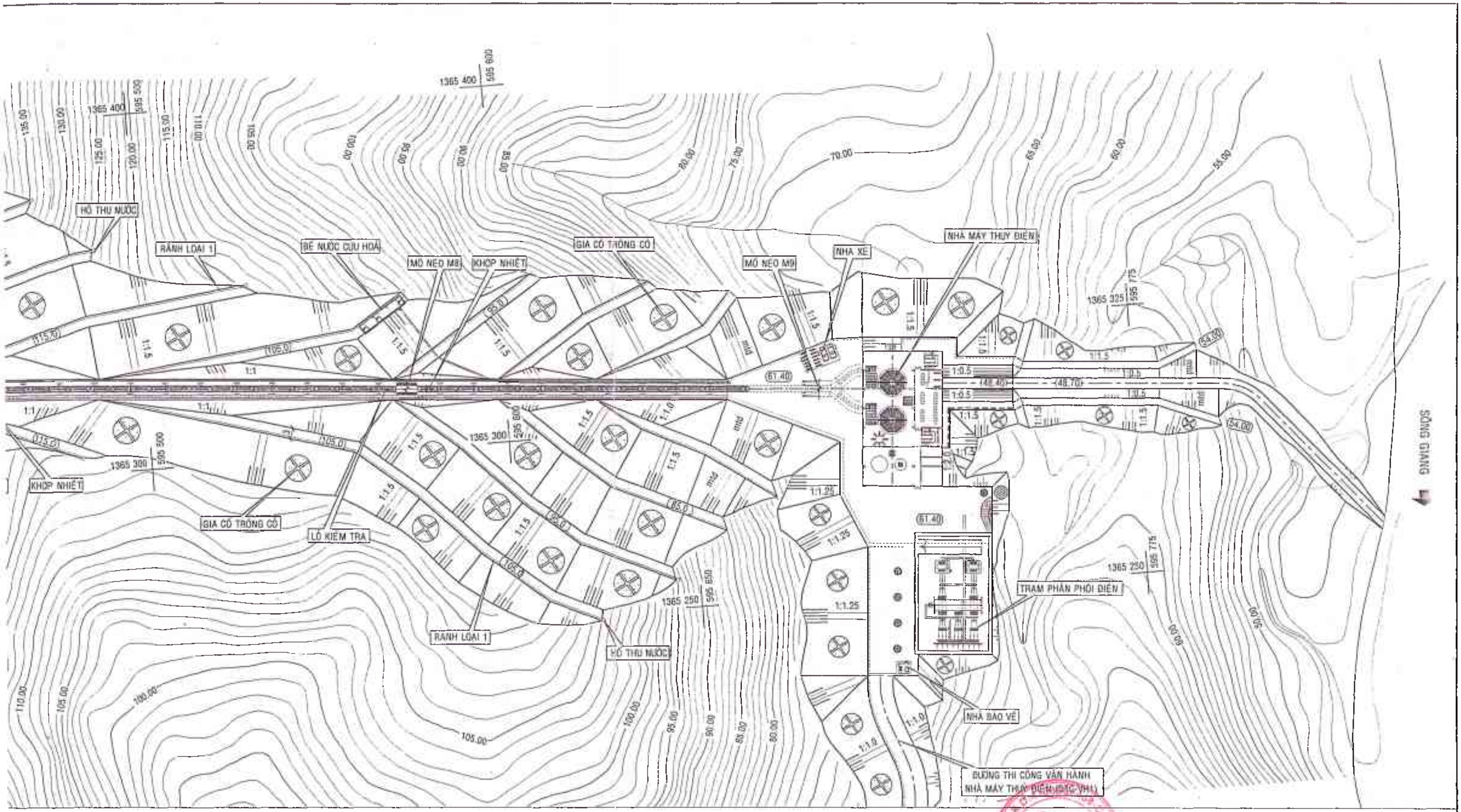
TỔNG MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG ÁP LỰC

TỶ LỆ A



BẢNG TOẠ ĐỘ TÂM MỐ NÉO

ĐIỂM	X	Y	Z	ĐIỂM	X	Y	Z
M1	1365400.7267	594494.5170	429.70	M6	1365338.6467	595293.4251	173.10
M2	1365388.1273	594656.6592	387.56	M7	1365326.7172	595146.9448	111.56
M3	1365376.9129	594800.9763	312.62	M8	1365316.9528	595572.6032	96.23
M4	1365362.4901	594986.5840	274.65	M9	1365308.0436	595587.2551	53.70
M5	1365350.6596	595138.8310	226.52				



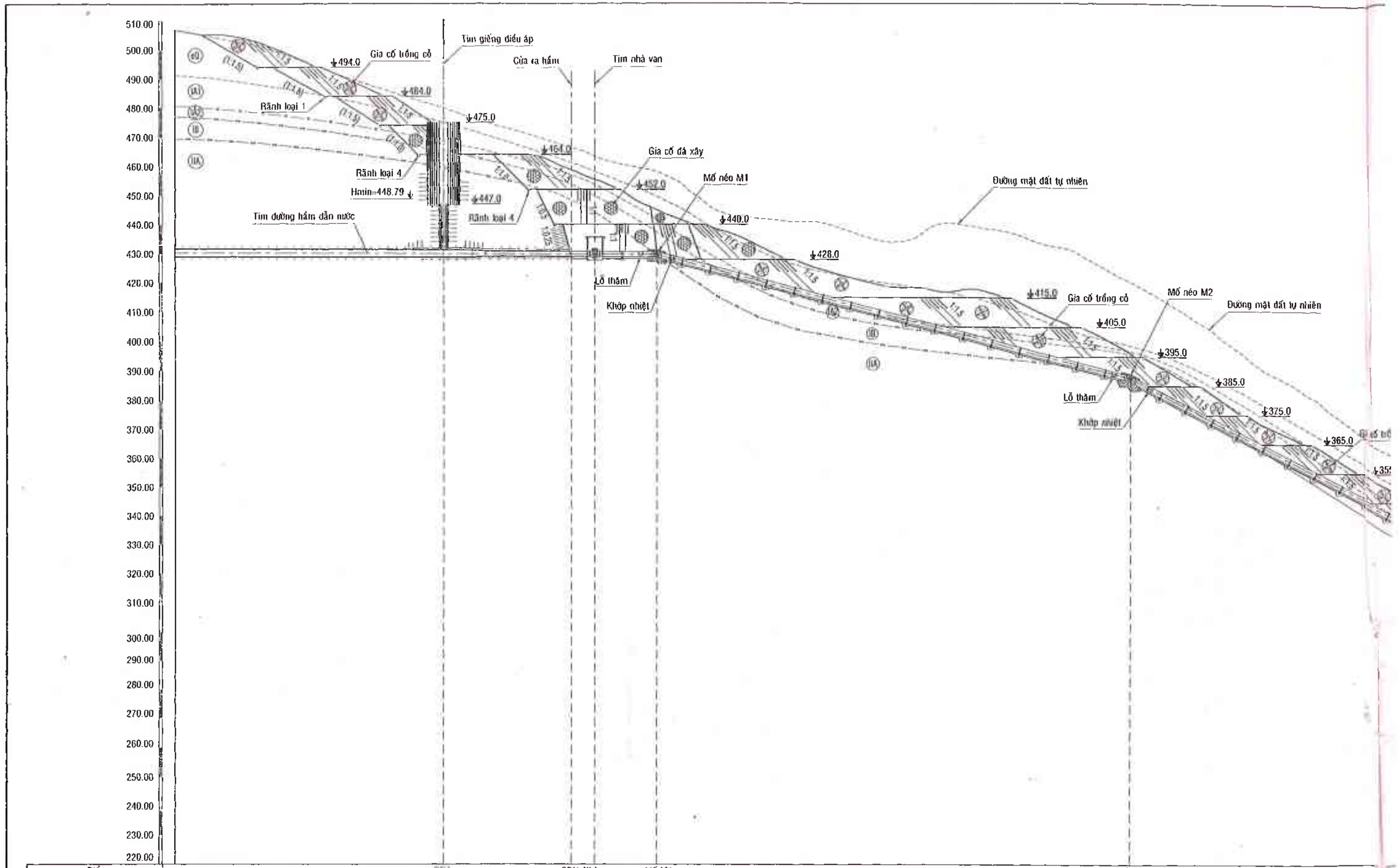
GHI CHÚ:

- Các kích thước trong bản vẽ là m
- Các cao độ trong bản vẽ là m
- Bản vẽ này xem cùng các bản vẽ 18015F-TD2-0AL-02,...
- Bản vẽ này được thiết kế trên tài liệu địa hình 1/500 do Công ty Tư vấn Đại học Xây dựng lập tháng 8-2008, mặt cắt địa chất do công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 lập tháng 01-2009
- Chi tiết cấu tạo đường ống xem bản vẽ thiết bị cơ khí.

TỶ LỆ A : 0 10 20 30 40 50m

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 PECC3		CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG 2 TUYẾN NĂNG LƯỢNG
Tr. phòng	Phạm Ngọc Tôn	ĐƯỜNG ỐNG ÁP LỰC
C.N.T.K	Phạm Ngọc Tôn	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG ÁP LỰC
C.T.B.M	Thái Công Thành	
Kiểm tra	Ngô Văn Hưng	TKKT-2 / 3-2009 / 18015F-TD2-0AL-01 / 1/1
Thiết kế	Nguyễn Thành Phương	T.L: A

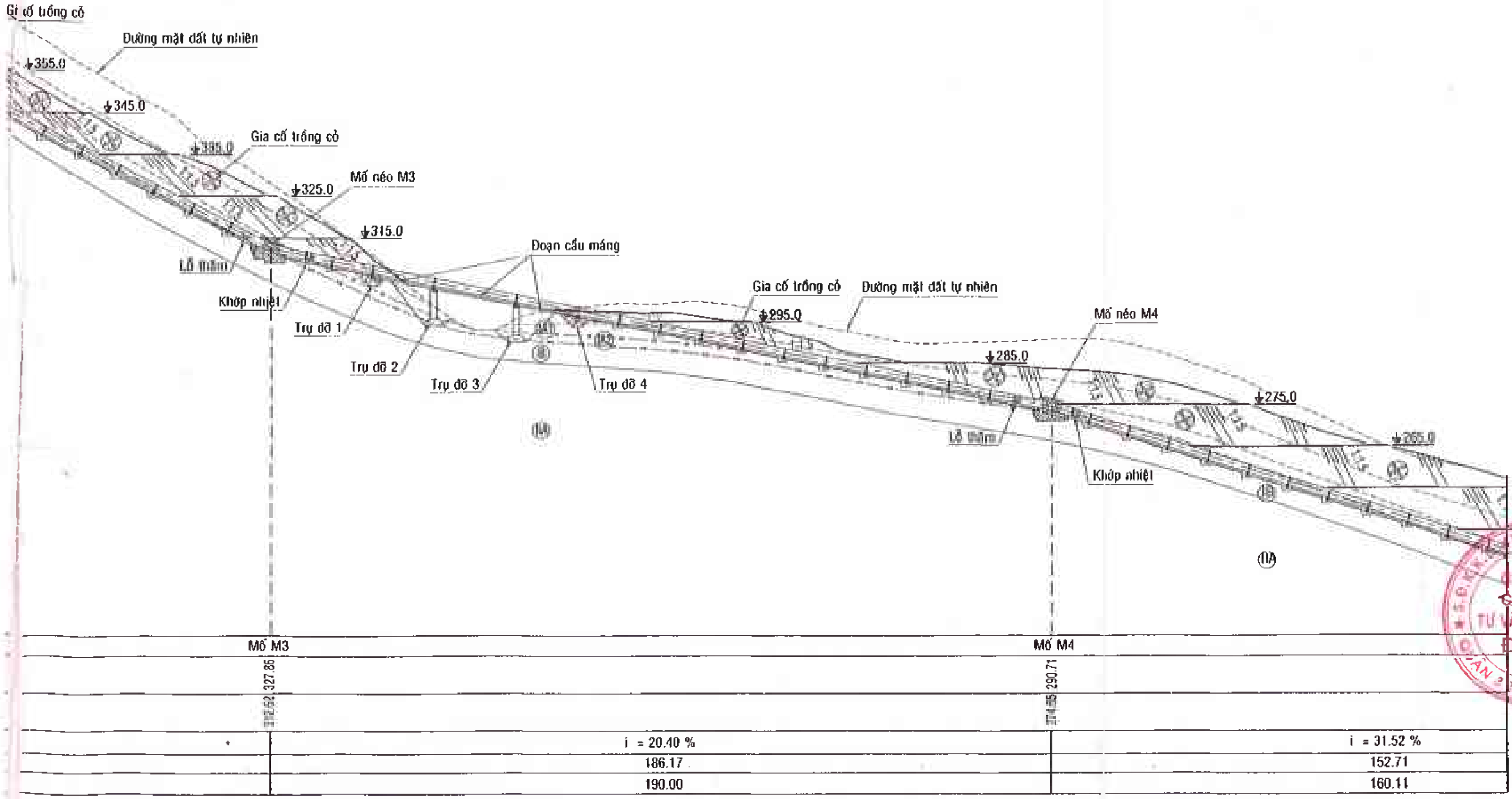


Điểm	GDA		CRH	Nhà van	Mố M1	Mố M2	
Cao độ mặt đất tự nhiên (m)	460.00		456.19	453.33	458.00	420.63	
Cao độ thiết kế tim ống (m)	459.99		453.31	453.78	453.70	387.56	
Độ dốc ống		i = 0.4 %		i = 0.4 %	i = 25.91 %		i = 51.77 %
Khoảng cách trên mặt bằng (m)		44.00	8.00	21.35	162.63		144.75
Khoảng cách giữa tim ống (m)		44.00	8.00	21.353	168.00		163.00

21

MẶT CẮT DỌC ĐƯỜNG ỐNG ÁP LỰC ĐOẠN 1

TỶ LỆ A



BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG MỐ NÉO, MỐ ĐỠ VÀ TRỤ ĐỠ

Tên mố néo	Khoảng cách (*m*)	*Số lượng mố đỡ*	*Số lượng trụ đỡ*
CRH - M1	29.36	1	
M1 - M2	168.00	16	
M2 - M3	163.00	15	
M3 - M4	190.00	11	4
M4 - M5	160.11	15	
M5 - M6	164.00	16	
M6 - M7	165.82	15	
M7 - M8	126.97	12	
M8 - M9	122.61	9	
Tổng	1289.87	110	4

GHI CHÚ:

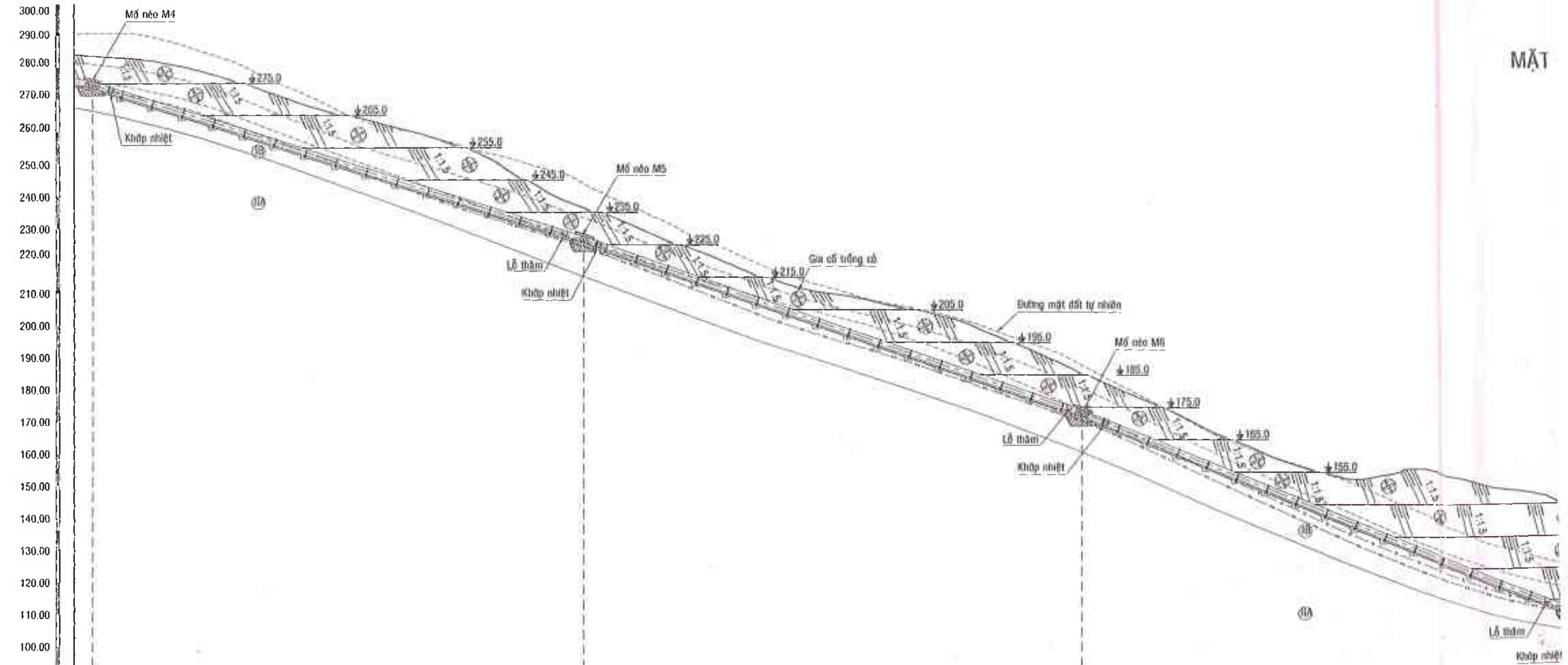
- Các kích thước trong bản vẽ là m
- Các cao độ trong bản vẽ là m
- Bản vẽ này xem cùng các bản vẽ 18015F-TD2-OAL-02,...
- Bản vẽ này được thiết kế trên tài liệu địa hình 1/500 do Công ty Tư vấn Đại học Xây dựng lập tháng 5-2008, mặt cắt địa chất do công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 lập tháng 01-2009
- Chi tiết cấu tạo đường ống xem bản vẽ thiết bị cơ khí.

TỶ LỆ A: 0 12.5 25 37.5 50 62.5m

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 PECC3			CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG 2 TUYẾN NĂNG LƯỢNG
Tr. phòng	Phạm Ngọc Tôn		ĐƯỜNG ỐNG ÁP LỰC MẶT CẮT DỌC ĐOẠN 1
C.N.T.K	Phạm Ngọc Tôn		
C.T.B.M	Thái Công Thành		
Kiểm tra	Ngô Văn Hưng		TKKT-2 | 3-2009 | 18015F-TD2-OAL-02 | 1/1
Thiết kế	Nguyễn Thành Phương		T.L: A

MẶT



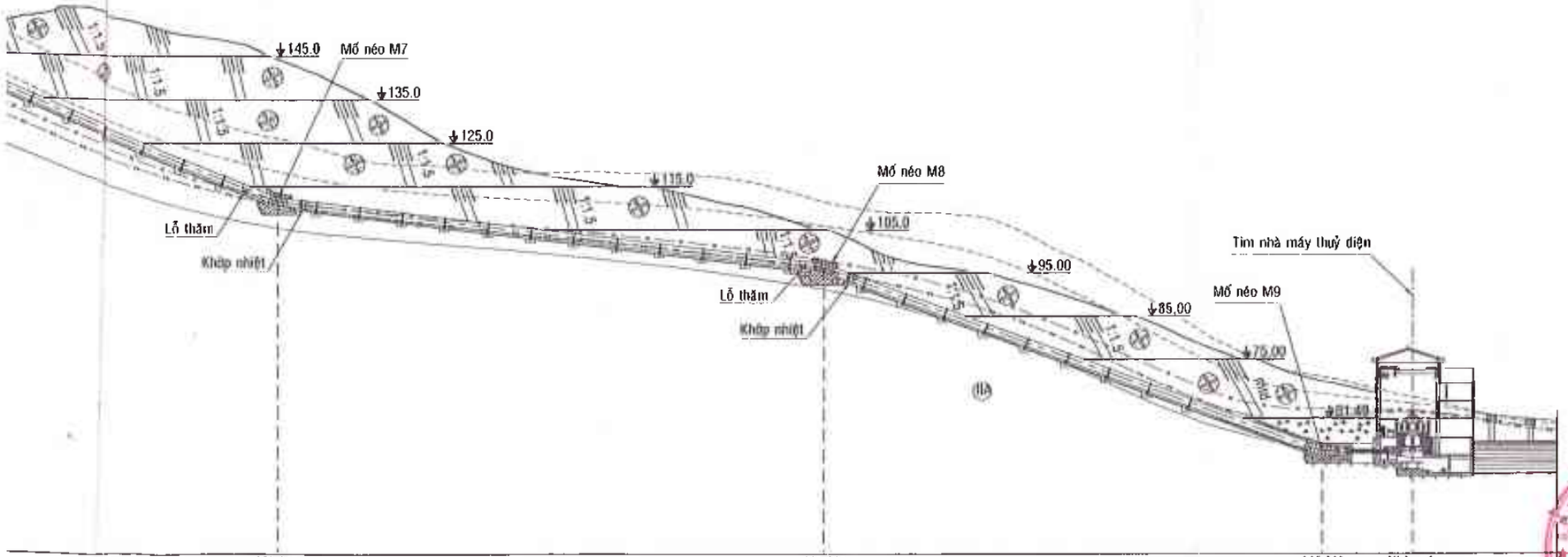
Điểm	Mố M4	Mố M5	Mố M6
Cao độ mặt đất tự nhiên (m)	280.71	243.65	187.03
Cao độ thiết kế tim ống (m)	274.45	228.35	173.03
Độ dốc ống	i = 31.52 %	i = 34.45 %	i = 39.96 %
Khoảng cách trên mặt bằng (m)	152.71	155.06	153.98
Khoảng cách giữa tim ống (m)	160.11	164.00	165.82

MẶT CẮT DỌC ĐƯỜNG ỐNG ÁP LỰC ĐOẠN 2

TỶ LỆ A

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG MỐ NÉO, MỐ ĐỠ VÀ TRỤ ĐỠ

Tên mố néo	Khoảng cách (m)	Số lượng mố đỡ	Số lượng trụ đỡ
CRH - M1	29.36	1	
M1 - M2	168.00	16	
M2 - M3	163.00	15	
M3 - M4	190.00	11	4
M4 - M5	160.11	15	
M5 - M6	164.00	16	
M6 - M7	165.82	15	
M7 - M8	126.97	12	
M8 - M9	122.61	9	
Tổng	1289.87	110	4



GHI CHÚ:

- Các kích thước trong bản vẽ là m
- Các cao độ trong bản vẽ là m
- Bản vẽ này xem cùng các bản vẽ 18015F-TD2-DAL-02,...
- Bản vẽ này được thiết kế trên tài liệu địa hình 1/500 do Công ty Tư vấn Đại học Xây dựng lập tháng 5-2008, mặt cắt địa chất do công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 lập tháng 01-2009
- Chi tiết cấu tạo đường ống xem bản vẽ thiết bị cơ khí.

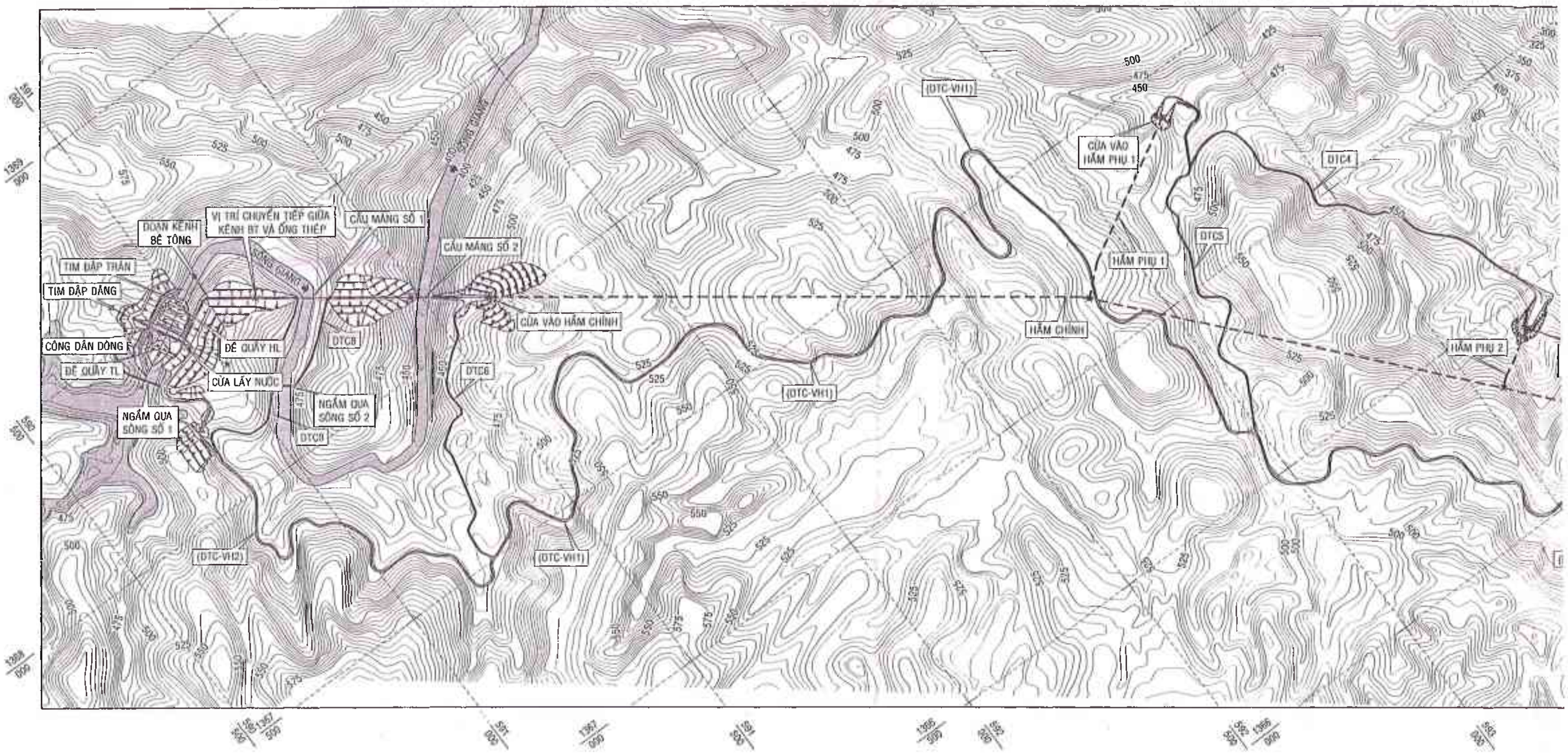
0 12.5 25 37.5 50 62.5m

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 PECC3			CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG THUỶ ĐIỆN SÔNG GIANG 2 TUYẾN NĂNG LƯỢNG	
Tr. phòng	Phạm Ngọc Tôn		ĐƯỜNG ỐNG ÁP LỰC MẶT CẮT DỌC ĐOẠN 2	
C.N.T.K	Phạm Ngọc Tôn			
C.T.B.M	Thái Công Thành			
Kiểm tra	Ngô Văn Hưng		TKKT-2 / 3-2009	18015F-TD2-OAL-03 / 1/1
Thiết kế	Nguyễn Thành Phương		T.L: A	

MẶT BẰNG TUYẾN NĂNG LƯỢNG

TỶ LỆ: A

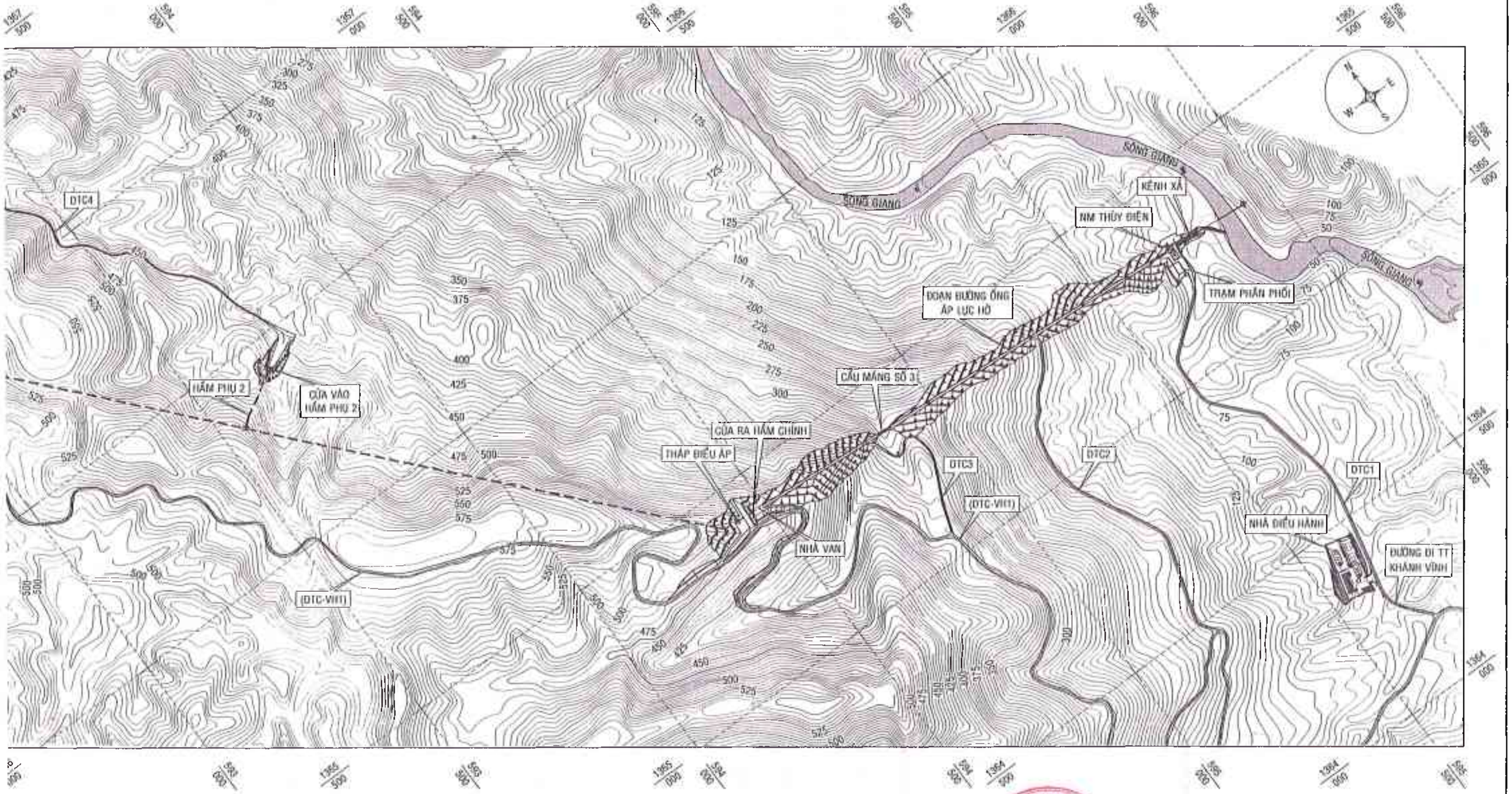


GHI CHÚ:

- Bản vẽ này được thiết kế trên bình đồ do Công ty tư vấn Đại học Xây Dựng lập tháng 5/2008 và tài liệu địa chất do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 lập tháng 2/2009.
- Các kích thước ghi trong bản vẽ đơn vị là cm, cao độ là m.

TỶ LỆ: A 0 100 200 300 400 500m

ĂNG LƯỢNG

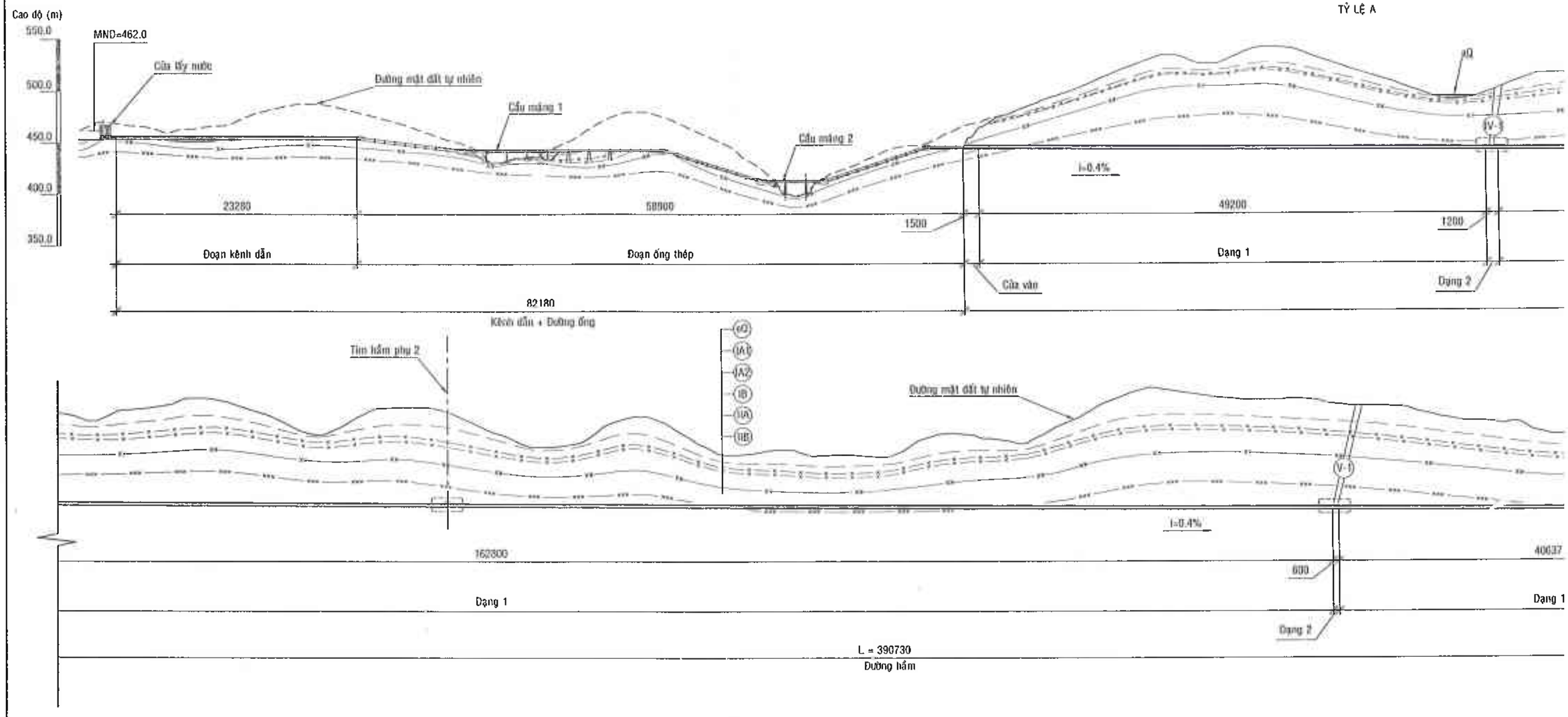


CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 PECC3			CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG THỦY ĐIỆN SÔNG GIANG 2 TUYẾN NĂNG LƯỢNG			
Tr. Phòng	Phạm Ngọc Tôn		TUYẾN NĂNG LƯỢNG MẶT BẰNG TUYẾN			
G.Đ.T.K	Phạm Ngọc Tôn					
C.T.B.M	Thái Công Thành					
Kiểm tra	Ngô Văn Hưng		TKKT-2	3-2009	18015F-TD2-TNL-01	1/1
Thiết kế	Trần Minh Tuyển		T.L: A			

CẮT DỌC TUYẾN NĂNG LƯỢNG

TỶ LỆ A



GHI CHÚ:

- Dạng 1: Đoạn hầm đi qua vùng đá tốt.
- Dạng 2: Đoạn gia cố vùng đứt gãy.
- Bản vẽ này được thiết kế trên bình đồ do Công ty tư vấn Đại học Xây Dựng lập tháng 5/2008 và tài liệu địa chất do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 lập tháng 2/2009.
- Các kích thước ghi trong bản vẽ đơn vị là cm, cao độ là m.
- Tùy vào điều kiện địa chất thực tế khi thi công để có biện pháp gia cố thích hợp mái đào và trong hầm.

TỶ LỆ A 0 50 100 150 200 250m